

Số: 518/KH-THCSCVA

Cẩm Phả, ngày 03 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027

Thực hiện Công văn số 5208/BGDĐT-GDPT ngày 07/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc hướng dẫn nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026 - 2027; Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 13/8/2026 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026 - 2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2026 - 2027;

Trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được trong năm học 2025 - 2026 và căn cứ theo tình hình thực tế, trường THCS Chu Văn An xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027 như sau:

Phần I
KẾT QUẢ NĂM HỌC 2025 – 2026

Năm học 2025 -2026 với quyết tâm của tập thể sư phạm nhà trường, được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy – HĐND - UBND phường Cẩm Phả, thầy và trò trường THCS Chu Văn An đã vượt qua khó khăn, thực hiện tốt các chỉ tiêu trong Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động.

I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của năm học 2025 - 2026

1. Danh hiệu tập thể:

- Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Tập thể Lao động xuất sắc.
- Cờ thi đua dẫn đầu khối THCS.

2. Cá nhân:

2.1. Giáo viên:

- Lao động tiên tiến: 50/50.
- Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp phường: 19
- Giáo viên có sáng kiến cấp phường: 21
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 19
- Các danh hiệu khen cao: UBND tỉnh tặng Bằng khen: 03; Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen: 01; Sở GD&ĐT tặng Giấy khen: 01; UBND phường tặng khen: 20

(trong đó có 14 giáo viên được nhận Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi cấp tỉnh).

2.2. Học sinh

a. Chất lượng đại trà

Lớp	Tổng số HS	Kết quả học tập						Kết quả rèn luyện			
		Tốt		Khá		Đạt		Tốt		Khá	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Khối 6	270	226	83,7	44	16,3	0	0	270	100	0	0
Khối 7	314	234	74,5	78	24,9	2	0,6	313	99,7	1	0,3
Khối 8	312	232	73,4	78	25	2	0,6	312	100	0	0
Khối 9	217	130	59,9	83	38,3	4	1,8	216	99,5	1	0,5
Tổng	1113	822	73,9	283	25,4	8	0,7	1111	99,8	2	0,2

* Chất lượng mũi nhọn học sinh toàn trường:

- Thi HSG cấp tỉnh đạt 72 giải (12 giải Nhất, 26 giải Nhì, 20 giải Ba, 14 giải Khuyến khích), vượt 30 giải so kế hoạch, tăng 28 giải so với năm học 2024 - 2025 .

- Câu lạc bộ Tiếng Anh tham gia cuộc thi “Câu lạc bộ Tiếng Anh” đạt giải Ba cấp tỉnh.

- Câu lạc bộ Nghệ thuật tham gia Hội thi “Họa mi vàng” do Đoàn phường tổ chức đạt giải Nhì toàn đoàn.

- Tham gia giải điền kinh học sinh: 01 Huy chương bạc cấp tỉnh.

- Tham gia giải Bơi học sinh tỉnh Quảng Ninh năm 2026 đạt 2 HCV, 2 HCB, 8 HCD.

- Tham gia Cuộc thi Olympic Chuyên Hạ Long đạt 105 giải (15 HCV, 29 HCB, 37 HCD, 24 giải Khuyến khích). Tăng 39 giải so với năm học 2024-2025.

- Học sinh tham gia Kỳ thi Olympic Hóa học và khoa học tự nhiên dành cho HS phổ thông lần thứ III năm 2026 (Kỳ thi do trường ĐHSPT Hà Nội phối hợp với Hội Hóa học Việt Nam tổ chức, dành cho học sinh lớp 6 đến lớp 12 trên cả nước). Kết quả: 24 giải.

Khối 6: 04 giải (01 HCV, 01 HCD, 02 KK)

Khối 7: 01 giải (01 HCD)

Khối 8: 17 giải (02 HCV, 03 HCB, 03 HCD, 09 KK)

Khối 9: 02 KK

- Thi Tin học trẻ tỉnh Quảng Ninh năm 2026 đạt 01 giải Nhì, 4 giải KK.

- Tham gia Chung kết cấp tỉnh Sân chơi Đấu trường Vioedu cấp THCS năm học 2025-2026 đạt 2 giải Bạc.

- Thi Sơ đồ tư duy sáng tạo Tiếng Anh cấp phường đạt 1 Nhất, 1 Nhì, 2 Ba, 4 Khuyến khích.

- Tích cực tham gia cuộc thi IOE

(1) *Vòng thi cấp tỉnh:*

+ Vinh danh toàn quốc: có 18 học sinh được vinh danh cấp toàn quốc với 02 giải Nhất, 02 giải Nhì, 08 giải Ba và 06 giải Khuyến khích. Trong đó: Khối 6: 05; Khối 7: 03; Khối 8: 05; Khối 9: 05.

+ Vinh danh cấp tỉnh: Có 88 em được vinh danh cấp tỉnh (08 giải Nhất, 18 giải Nhì, 25 giải Ba và 37 giải Khuyến khích).

(2) *Vòng thi quốc gia:* đạt 20 giải (3 Huy chương vàng, 6 Huy chương Bạc, 3 Huy chương đồng và 8 giải Khuyến khích).

- Học sinh Bùi Hồng Đức lớp 8A6 tham gia Chung kết toàn quốc cuộc thi “Trạng nguyên tuổi 13” năm 2025 đã xuất sắc giành giải Thám hoa (giải Nhì).

- Học sinh Đặng Kim Hân đạt giải Khuyến khích cấp quốc gia Cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc năm 2025.

- **Kết quả thi tuyển sinh THPT và phân luồng sau tốt nghiệp THCS:** Giữ vững vị trí thứ 2 trong toàn tỉnh Quảng Ninh về kết quả thi tuyển sinh THPT.

+ Tổng số: 217 học sinh được công nhận Hoàn thành chương trình giáo dục THCS.

+ Tổng số HS dự thi tuyển sinh THPT công lập: 213

+ Số HS được tuyển thẳng vào THPT Cẩm Phả: 02 (1 HS khuyết tật, 1 HS có thành tích TDTT).

+ 03 học sinh không dự thi TS mà đăng ký trường THPT dân lập và trường THPT tỉnh khác.

+ Số HS đỗ tuyển sinh THPT công lập: 197 (20 HS đỗ THPT Chuyên Hạ Long; 149 HS đỗ THPT Cẩm Phả; 8 HS đỗ THPT Lê Quý Đôn, 18 HS đỗ trường THPT Cửa Ông; 2 HS đỗ THPT Mông Dương). Điểm thi TB 3 môn của các học sinh dự thi: 7,47 (Môn Toán: 6,91; Môn Văn: 7,06; Môn Tiếng Anh: 8,41). Tỷ lệ thi đỗ chuyên Hạ Long và các trường THPT công lập: 91,63%.

2.3. Thực hiện chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

Năm học 2025 - 2026, việc nâng lương cho CBGVNV đảm bảo đúng đối tượng, thời gian nâng lương và yêu cầu chung của toàn ngành. Trong đó có 04 đ/c được nâng lương trước hạn; 04 đồng chí được nâng lương định kỳ; 28 đồng chí được nâng thâm niên nghề giáo. Số giáo viên hưởng phụ cấp thâm niên lần đầu: 0

Nhà trường thực hiện nghiêm túc qui định công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Đảm bảo công khai và bình đẳng trong đánh giá và xếp loại thi đua, khen và thưởng đúng người đúng việc và đúng quy định của nhà trường, đúng các quy chế của các cấp và nhà trường đã ban hành. Tổng số tiền khen thưởng, thu nhập tăng thêm và hỗ trợ các hoạt động chuyên môn năm 2025 -2026:

Kinh phí Hỗ trợ Giáo viên ôn đội tuyển các cấp: 94.571.877 đồng

Kinh phí làm thêm giờ cho GV dạy ôn tuyển sinh THPT: 206.997.027 đồng

Kinh phí khen thưởng giáo viên: 63.250.000 đồng

Kinh phí cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ: 261.101.000 đồng

Kinh phí chi hỗ trợ thu nhập tăng thêm năm 2025: 796.174.763 đồng

Kinh phí khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP: 445.517.000 đồng

II. Đánh giá chung

Năm học 2025-2026, nhà trường đã hoàn thành 100% các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chất lượng giáo dục và đào tạo, chất lượng giáo dục mũi nhọn đạt thành tích cao. Cảnh quan môi trường sư phạm được đầu tư, bổ sung khang trang, hiện đại. Kỷ cương nhà trường được giữ vững, quy chế dân chủ thực hiện tốt trong mọi hoạt động, khối đoàn kết trong nhà trường được củng cố và giữ vững. Lãnh đạo nhà trường đã triển khai công tác kiểm tra nội bộ trong trường học đạt kết quả cao. Chỉ đạo có hiệu quả hồ sơ công tác quản lý, triển khai đầy đủ kế hoạch tới tổ nhóm chuyên môn. Tổ chức hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày và triển khai thực hiện “Đưa tiếng Anh dần thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học”.

Trường thực hiện tốt công tác khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Được đánh giá Chuyển đổi số đạt Mức độ 3. Đặc biệt, Trường THCS Chu Văn An vinh dự được Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam trao tặng danh hiệu “Biểu tượng vàng nguồn nhân lực Việt Nam năm 2025” và “Đơn vị tiêu biểu vì sự nghiệp phát triển giáo dục, khoa học, công nghệ”.

Triển khai hiệu quả quy chế dân chủ trong trường học, đồng thời thực hiện nghiêm túc việc công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT góp phần xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết cùng nhau phấn đấu xây dựng Trường học an toàn – chất lượng – phát triển.

Phần II

KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2026 - 2027

Chủ đề năm học 2026-2027: ***“Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất”***.

I. Đặc điểm tình hình trường năm học 2026 - 2027

1. Quy mô phát triển

Khối lớp	Số lớp	Số học sinh				
		Tổng số	Trong đó			
			Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Có hoàn cảnh đặc biệt (mồ côi, bệnh tật....)
6	7	311	177	11	0	0
7	6	270	137	7	0	0
8	8	314	191	2	0	1
9	7	308	156	7	01	3
Cộng	28	1203	661	27	01	4

2. Tình hình đội ngũ *(tính đến 31/8/2026)*

- Biên chế và người lao động được giao năm 2026: **47 biên chế**.

Hiện có mặt 41 biên chế. Trong đó: cán bộ quản lí: 03; Nhân viên: 04; Giáo viên: 34

Đề xuất Hợp đồng giáo viên theo Nghị định 235/2026/NĐ-CP: 06 giáo viên Nhà trường thực hiện hợp đồng thỉnh giảng giáo viên để thực hiện chuyên môn.

- Kiện toàn, thành lập tổ 03 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng: Tổ KHTN, KHXH, Ngoại ngữ - Nghệ thuật, tổ Văn phòng.

Tổ	Tổ trưởng	Tổ phó
Tổ Khoa học Xã hội	Đỗ Thị Bích Phượng	Bùi Hương Thủy
Tổ Khoa học Tự nhiên	Nguyễn Thị Vân	Nguyễn Thị Thu Thủy
Tổ Ngoại ngữ - Nghệ thuật:	Nguyễn Thanh Hương	Dương Tú Quỳnh
Tổ Văn phòng	Nguyễn Thị Thiện Hiền	Mai Thị Thanh Nga

- Độ tuổi của cán bộ, giáo viên, nhân viên (CB, GV, NV)

Tổng số CB, GV, NV	Độ tuổi								Giới tính			
	< 35		35- 45		46-55		>55		Nam		Nữ	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
41	6	14,6	25	61	10	24,4	0	0	4	9,8	41	90,2

- Tổ chức nhà trường:

Đội ngũ	Số lượng	Đảng viên	Trình độ chuyên môn			Chính trị		Ngoại ngữ	
			Thạc sĩ	Đại học	C.Đ	C.cấp	T.cấp	Đại học	CC
Cán bộ	3	3	1	2	0	1	2	1	2
Giáo viên	34	31	9	25	0		9	5	29
Nhân viên	4	4	0	4	0				4
Tổng	41	35	10	31	0	1	11	6	35

3. Tình hình cơ sở vật chất (Phụ lục)

4. Thuận lợi, khó khăn

4.1. Thuận lợi

- Về truyền thống: Là một trường mới được thành lập và đi vào hoạt động từ năm học 2018-2019. Là cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT hoạt động với mục tiêu giáo dục toàn diện, xây dựng trường là mô hình tiêu biểu đi đầu trong việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo. Trong những năm học qua, chất lượng giáo dục của trường THCS

Chu Văn An ngày càng được nâng cao, khẳng định được uy tín trong hệ thống giáo dục tỉnh Quảng Ninh.

- Về vị trí địa lí: Trường ở khu phố 19, phường Cẩm Phả có vị trí trung tâm đô thị nên có những thuận lợi về môi trường kinh tế - xã hội.

- Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất nhà trường được đầu tư đồng bộ các phòng học thông minh, đáp ứng yêu cầu dạy học hiện đại.

- Về đội ngũ: Là trường có đội ngũ CB-GV-NV đảm bảo trình độ chuẩn, trên chuẩn chiếm 41/41 (đạt 100%). Các thầy cô giáo đều có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật tốt, gắn bó với nhà trường. Các giáo viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có ý thức tự giác học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong mọi công việc. 100% CB-GV tham gia đầy đủ chương trình bồi dưỡng giáo viên phổ thông và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ GD&ĐT qua hình thức trực tuyến và trực tiếp.

- Về quy mô: Năm học 2026-2027 nhà trường có quy mô với 28 lớp, tương ứng với 28 phòng học được đầu tư.

- Về chất lượng tuyển sinh: Công tác tuyển sinh đảm bảo chất lượng, số lượng theo kế hoạch. Đây là năm thứ hai trường thực hiện phương thức xét tuyển học bạ kết hợp với bài kiểm tra đánh giá năng lực.

- Về sự quan tâm chỉ đạo và phối hợp hoạt động: luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của Sở Giáo dục Đào tạo, UBND phường Cẩm Phả; sự quan tâm giúp đỡ, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, của Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Tập thể cán bộ, viên chức nhà trường luôn đoàn kết, quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và nội quy cơ quan, Nghị quyết của Đảng ủy trường, Nghị quyết của Hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, các bộ phận chuyên môn, đoàn thể trong nhà trường phối hợp đồng bộ trong các hoạt động giáo dục.

4.2. Khó khăn

a. Cơ sở vật chất

- Thiết bị phòng Thư viện điện tử chưa được trang cấp đủ, phòng học STEM/STEAM chưa được trang cấp thiết bị, chưa có phòng học Âm nhạc, Mỹ thuật, phòng Đa chức năng, phòng Khoa học xã hội.

- Nhà trường có hệ thống phòng học thông minh với 28 phòng đã đi vào hoạt động sang năm thứ 9, một số thiết bị đã có dấu hiệu lỗi, hỏng cần kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa lớn, mặc dù đã được các cấp quan tâm phê duyệt chủ trương, cấp kinh phí nhưng quá trình thực hiện phải thông qua quy trình đấu thầu nên gặp nhiều khó khăn, chậm trễ ảnh hưởng đến việc duy trì hoạt động của hệ thống thiết bị điện tử thông minh phục vụ công tác dạy học.

b. Đội ngũ

Lực lượng nhân viên nhà trường còn mỏng, hiện có 4/9 vị trí việc làm. Thiếu các vị trí: Nhân viên thư viện, giáo vụ, tư vấn, quản trị công sở, hỗ trợ khuyết tật.

Từ tháng 01/9/2026, số biên chế giao giảm 03 người so với số được giao đầu năm 2026, trường gặp khó khăn về đội ngũ. Các giáo viên Hợp đồng theo Nghị

định 235 là hợp đồng thực hiện theo năm, thiếu ổn định nên cũng ảnh hưởng đến tâm lý của giáo viên.

II. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027

1. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông bảo đảm thống nhất, linh hoạt theo hướng giảm tải, tăng tính mở; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; tiếp tục nâng cao chất lượng, tỷ lệ dạy học 2 buổi/ngày; triển khai theo lộ trình các Đề án ngoại ngữ¹; thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM, giáo dục phát triển năng lực số, giáo dục trí tuệ nhân tạo (AI).

(2). Tiếp tục đổi mới, sáng tạo nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bảo đảm chất lượng thực chất, bền vững, khắc phục bệnh thành tích; đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Tập trung các giải pháp xây dựng văn hóa học đường; chú trọng đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa ứng xử; công tác tư vấn tâm lý, giáo dục kỹ năng sống, y tế trường học, phòng ngừa tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trường học; gắn kết các hoạt động y tế, dinh dưỡng và nghệ thuật, thể dục, thể thao trong nhà trường, với nội dung môn học giáo dục thể chất²; triển khai Chương trình sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035³; tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm.

(3). Nâng cao chất lượng công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng sau trung học cơ sở. Thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc; củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, triển khai đầy đủ, hiệu quả các cơ chế, chính sách đối với học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

(4). Tiếp tục rà soát sắp xếp đội ngũ từng bước bảo đảm số lượng; nâng cao chất lượng, chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động. Phát huy dân chủ gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cơ sở giáo dục; cải tiến chất lượng xây dựng trường chuẩn quốc gia.

(5). Tập trung nghiên cứu khung năng lực số cho người học⁴ và cho nhà giáo⁵; tập trung bồi dưỡng các nội dung khoa học, công nghệ, tin học, khả năng cá thể hóa việc dạy và học bằng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo; tiếp tục duy trì hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”, “Bình dân học vụ AI”⁶; hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành, số hóa

¹ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045" và Quyết định số 2732/QĐ-TTg ngày 16/12/2025 phê duyệt Đề án "Tăng cường dạy và học ngoại ngữ giai đoạn 2025-2035, định hướng đến năm 2045"; Công văn số 4113/BGDĐT-GDPT ngày 02/7/2026 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai dạy và học ngôn ngữ quốc gia tiếng nước láng giềng (tiếng Trung Quốc) trong các cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2026-2027.

² Công văn số 3711/UBND-VHXXH ngày 17/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027 gắn với tăng cường giáo dục toàn diện, rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật cho học sinh.

³ Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035.

⁴ Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT.

⁵ Thông tư số 18/2026/TT-BGDĐT.

⁶ Bộ GDĐT đã ban hành Khung nội dung thi điểm giáo dục Trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông tại Quyết định số 3439/QĐ-BGDĐT ngày 15/12/2025 và hướng dẫn tổ chức triển khai thi điểm tại Công văn số 8334/BGDĐT-GDPT ngày 18/12/2025

hồ sơ quản lý, học bạ số, chữ ký số, văn bằng số, nền tảng quản trị nhà trường. Hình thành nền tảng để thực hiện mục tiêu xây dựng **“Trường học số - Giáo viên số - Học sinh số - Quản trị giáo dục số”**.

(6). Đổi mới quản trị giáo dục theo hướng tăng quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình dựa trên dữ liệu; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Từng bước hình thành văn hóa quản trị dựa trên dữ liệu, minh chứng và kết quả; lấy kết quả, hiệu quả thực chất và sự hài lòng của người dân làm thước đo chất lượng giáo dục.

(7). Triển khai nhiệm vụ năm học bảo đảm chủ động, đồng bộ, thực chất, hiệu quả, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm; giữ vững kỷ cương, nền nếp, an toàn trường học, không để gián đoạn hoạt động dạy học và quyền học tập của học sinh. Thực hiện tốt chủ đề năm học 2026 - 2027 **“Đổi mới tư duy - Chuyển biến mạnh mẽ - Kết quả thực chất”**.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Xây dựng Kế hoạch giáo dục (KHGD) nhà trường bám sát yêu cầu và hướng dẫn của Sở GDĐT tại Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2026 – 2027 đảm bảo chủ động, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, sử dụng ổn định, hiệu quả một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông thống nhất dùng chung trong cả nước; thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, không cắt xén nội dung, thời lượng, không gây quá tải cho học sinh; không tổ chức dạy học hình thức.

2.2. Công tác bồi dưỡng và thi chọn học sinh giỏi các cấp

- Tổ chức tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi (HSG) ngay từ các lớp đầu cấp để tạo nguồn cho việc thi chọn HSG ở lớp 9.

- Tham dự kỳ thi chọn đội tuyển dự thi HSG cấp tỉnh THCS do phường tổ chức.

- Tham gia thi chọn học sinh giỏi THCS cấp tỉnh ngày 14/01/2027 với 8 môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, KHTN, LS&DL, GD&ĐT, Công nghệ, Tin học.

2.3. Tham gia các cuộc thi, Hội thi chuyên môn

2.3.1. Học sinh

- Cuộc thi KHKT dành cho học sinh trung học.

- Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng.

- Hội thi Câu lạc bộ Tiếng Anh (English Talent)

- Thi Tin học trẻ.

- Thi Olympic các môn chuyên THPT Chuyên Hạ Long năm 2027

- Thi Tiếng Anh trên mạng IOE.

- Thi đấu TDTT dành cho học sinh.

- Các cuộc thi khác khi Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT triển khai hoặc phối hợp triển khai.

2.3.2. Các Hội thi dành cho giáo viên

- Tham gia các Hội thi do Sở GD&ĐT tổ chức.

2.4. Tích hợp giáo dục truyền thống và hoạt động ngoại khóa

- Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, tham quan tại các di tích trên địa bàn cho học sinh ít nhất 01 lần/năm (Trong điều kiện bình thường, an toàn). Tối thiểu 80% học nắm được các Di tích Quốc gia đặc biệt, di tích Quốc gia; các lễ hội truyền thống; ngày Giải phóng Khu mỏ, Cuộc tổng bãi công năm 1936 và các danh nhân gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển địa phương.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề ít nhất 01 năm/lần để tìm hiểu về thân thế, sự nghiệp, công lao của Thầy giáo Chu Văn An; 100% học sinh của trường nắm được thân thế và sự nghiệp của danh nhân.

- Tổ chức Ngày hội STEM.

2.5. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày

2.5.1. Đối tượng: Học sinh lớp 6,7,8,9

2.5.2. Nội dung:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình Giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT.

- Buổi 2: (1) Hoạt động dạy học ôn thi tuyển sinh lớp 10 THPT, bồi dưỡng học sinh năng khiếu. (2) Giáo dục STEM/ STEAM, năng lực số/kỹ năng số; (3) Giáo dục AI, ngoại ngữ, kỹ năng sống, hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương)

- Ôn thi tuyển sinh lớp 10 THPT:

+ Thời gian ôn thi môn Toán và môn Ngữ văn thực hiện từ học kỳ I của năm học

+ Môn thứ 3: Thực hiện ôn khi Sở GD&ĐT có thông báo môn thi thứ 3

+ Thời lượng: thực hiện không quá 02 tiết/môn/tuần.

2.6. Triển khai Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học”

Thực hiện phân loại theo mức độ đáp ứng về đội ngũ, chương trình, học liệu, môi trường sử dụng ngoại ngữ và điều kiện bảo đảm chất lượng. Ưu tiên bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường.

Phát động phong trào giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh góp phần xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học, hỗ trợ thực hiện dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh theo lộ trình. Phần đầu năm học 2027-2028 được đánh giá đạt mức độ 1.

2.7. Công tác kiểm định và công nhận lại trường chuẩn quốc gia

Chú trọng công tác tự đánh giá hàng năm, thực hiện đúng quy trình và hoạt động của Hội đồng tự đánh giá theo hướng dẫn tại công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT và Công văn 1816/SGDĐT của Sở GD&ĐT.

Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và thu thập minh chứng, phiếu đánh giá tiêu chí và xây dựng báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài theo giai đoạn 2023-2028.

2.8. Công tác Phổ cập giáo dục

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong công tác điều tra, huy động trẻ em, học sinh đến trường, duy trì sĩ số, phối hợp vận động học sinh bỏ học trở lại trường và cập nhật dữ liệu theo phân công. Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi thực hiện giáo dục bắt buộc được đến trường, học tập; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

2.9. Công tác dạy thêm, học thêm

- Cam kết thực hiện nghiêm túc việc dạy thêm, học thêm theo đúng quy định của Bộ GDĐT tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, Thông tư 19/2026/TT-BGDĐT.

2.10. Công tác xét công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS và tuyển sinh lớp 6

Xây dựng kế hoạch xét công nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS thực hiện theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông, hoàn thành trước 31/5/2027; tuyển sinh lớp 6 năm học 2027-2028 theo Thông tư số 30/2023/TT-BGDĐT, hoàn thành trước 31/7/2027.

2.11. Công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học

- Duy trì nền nếp thực hiện các bài thể dục buổi sáng, thể dục giữa giờ, các hoạt động thể thao trong trường học, tập luyện và tổ chức thi đấu các môn thể thao nhằm phát triển thể lực, thể chất toàn diện cho học sinh.

- Triển khai lồng ghép tuyên truyền, dạy kỹ năng an toàn trong môi trường nước và phòng, chống đuối nước cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả các câu lạc bộ thể thao trong nhà trường.

- Thành lập Câu lạc bộ Thể dục Thể thao.

- Tổ chức Giải Cầu lông truyền thống: Tháng 10/2026.

- Khuyến khích học sinh chơi bóng rổ.

2.12. Hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Triển khai thường xuyên việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, quản trị trường học.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học; phát triển nguồn nhân lực số

- Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

3. Các chỉ tiêu phấn đấu

3.1. Chất lượng dạy và học

3.1.1. Chỉ tiêu về chất lượng bộ môn (Phụ lục)

3.1.2. Chất lượng hai mặt giáo dục (Phụ lục)

Số học sinh tham gia đánh giá: 1203

Nội dung	Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
KQ rèn luyện	1195	99,3	8	0,7	0	0	0	0
KQ học tập	762	63,3	429	35,7	12	1,0	0	0

3.1.3. Chất lượng các cuộc thi:

- Thi tuyển sinh lớp 10 THPT: Phần đầu giữ vững kết quả đứng thứ 2 toàn thành phố, trên 90% các em học sinh lớp 9 tham gia dự thi vào lớp 10 THPT năm học 2027-2028 đổ vào các trường THPT công lập.

- Học sinh giỏi cấp thành phố: 43 giải (phụ lục 11)
- Có 2 giải cuộc thi STTTNNĐ cấp phường, 1 giải cấp thành phố.
- Thi IOE: 70 giải cấp tỉnh, 15 giải Quốc gia.
- Thi tin học trẻ: 5 giải cấp thành phố
- Chất lượng các đội tuyển TDTT: 2 giải cấp thành phố.

3.2. Hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo để giáo dục kỹ năng sống cho 100% học sinh.

3.3. Bồi dưỡng đội ngũ

- 100% CBQL, GV đứng lớp có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định mới.

- 100% Cán bộ quản lý hiểu biết, nắm vững và triển khai có hiệu quả các văn bản quy định hiện hành.

- 100% CBQL, GV đứng lớp hoàn thành khóa học bồi dưỡng thực hiện chương trình GDPT 2018.

- 100% CNQL, GV hoàn thành việc tự học Tiếng Anh trên nền tảng phần mềm trực tuyến <https://lms.fsel.edu.vn>

- 100% giáo viên thực hiện đánh giá xếp loại Khá, Tốt theo chuẩn nghề nghiệp.

- 100% Cán bộ quản lý được đánh giá xếp loại theo chuẩn Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng từ mức Khá trở lên.

- Thực hiện Công tác Bồi dưỡng thường xuyên đạt 100% CBGV xếp loại Khá, Tốt.

- GVG: 26 GV đăng kí danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường; 16 GVCN đăng ký thi GV dạy giỏi cấp phường.

3.4. Xây dựng trường chuẩn Quốc gia, kiểm định chất lượng GD

- Hoàn thành tự đánh giá hàng năm, thực hiện đúng quy trình và hoạt động của Hội đồng tự đánh giá theo Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ GD&ĐT.

- Có đủ phòng học, công trình vệ sinh và nguồn nước sạch đảm bảo cho sinh hoạt và học tập của HS. Đề xuất xây mới 1 khu nhà 4 tầng bổ sung thêm phòng ngủ bán trú và phòng học bộ môn.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài.

- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý đối với tổ chức giáo dục theo tiêu chuẩn ISO 21001:2018 (TCVN ISO 21001:2019), là cơ sở xây dựng được một hệ thống quản lý tốt từ đó tiến hành quản lý giáo dục một cách hiệu quả và đạt được nhiều lợi ích nhất. Phấn đấu năm 2026 được Chứng nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 21001:2018 (TCVN ISO 21001:2019).

3.5. Chỉ tiêu về kiểm tra nội bộ

- Việc thực hiện nhiệm vụ được giao của lãnh đạo đơn vị/bộ phận thuộc cơ sở giáo dục: 01 lần/năm học

- Việc thực hiện nhiệm vụ được giao của nhà giáo, nền nếp tổ chức, dạy học: 15/34 giáo viên (chiếm 44,12%)

- Hoạt động của bộ phận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ/học sinh; công tác tư vấn tâm lý học đường và hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khóa: 01 lần/năm học

- Hoạt động của tổ/nhóm chuyên môn: 01 lần/năm học.

- Việc sử dụng, bảo quản thiết bị dạy học, thư viện trong cơ sở giáo dục: 1 lần/năm học.

- Công tác tài chính, tài sản và các khoản thu ngoài ngân sách: 01 lần/năm học.

- Công tác kế toán, văn thư, hành chính, y tế trường học: 01 lần/năm học.

- Việc thực hiện công khai, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở: 01 lần/năm học.

- Thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định: 01 lần/năm học.

- Thực hiện kiểm tra đột xuất, thường xuyên các nội dung về Trường học an toàn, phòng chống ma túy, thực hiện kỷ luật kỷ cương hành chính, công tác cải cách hành chính, thực hiện Nghị quyết số 80,...

3.6. Chỉ tiêu về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Tham gia cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng, Cuộc thi Khoa học kỹ thuật, thi Tin học trẻ.

- Tổ chức Ngày hội STEM.

- 100% thông tin của học sinh (thông tin cá nhân, kết quả học tập, sức khỏe, thể chất, năng khiếu,...) được cập nhật đầy đủ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo yêu cầu của Bộ GDĐT.

- 100% dữ liệu kết nối liên thông, đồng bộ giữa nhà trường với Sở GDĐT với Bộ GDĐT, UBND tỉnh, đáp ứng yêu cầu chia sẻ, đồng bộ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đồng thời cung cấp dữ liệu của học sinh phục vụ phát triển nhân lực, nhân tài cho địa phương, đất nước.

- 100% cán bộ, giáo viên thực hiện xử lý hồ sơ công việc trên môi trường số và sử dụng chữ ký số để giải quyết công việc.

- 100% giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục theo hướng cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử được tích hợp trong tài khoản định danh VNeID thay thế giấy tờ thông thường khi thực hiện thủ tục hành chính.

- 100% CMHS thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.

- 100% học sinh được tuyển vào trường theo hình thức đăng ký trực tuyến.

- 100% triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy

- 100% cán bộ, giáo viên sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong quản lý; dữ liệu giáo dục được số hóa và sử dụng AI để phân tích, tối ưu hóa quy trình ra quyết định, kế hoạch.
- 100% CBGVNV và HS (đủ 14 tuổi trở lên) tham gia học tập trên nền tảng Bình dân học vụ số.

- Nhà trường được đánh giá chuyển đổi số mức độ 3.

3.7. Chỉ tiêu về chế độ chính sách, kết nạp Đảng:

- Đảm bảo chế độ chính sách cho viên chức, người lao động và người học.
- 100% CBGVNV được nâng lương thường xuyên, vượt khung và thâm niên nghề giáo đúng hạn.
- 10% CBGVNV nâng lương trước thời hạn theo quy định.
- 100% học sinh diện chính sách được nhận hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.
- Kết nạp đảng viên mới: 01.

3.8. Công tác thi đua

100% CBGVNV thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua, tham gia các hội thi do ngành và địa phương phát động.

Phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua:

+ Cá nhân: 41/41 LĐTĐ; 12 CSTĐ cơ sở; 01 CSTĐ cấp tỉnh; 06 Giấy khen của UBND phường; 01 Giấy khen của Sở GDĐT; 02 Bằng khen của UBND tỉnh; 01 Bằng khen của Bộ GD.

+ Tập thể trường đạt Tập thể lao động xuất sắc và đề nghị nhận Bằng khen của UBND tỉnh.

Đội TNTP HCM: Vững mạnh xuất sắc cấp tỉnh

Đảng bộ Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và nâng cao chất lượng dạy học, kiểm tra, đánh giá

4.1.1. Xây dựng Kế hoạch giáo dục (KHGD) nhà trường bám sát yêu cầu và hướng dẫn của Sở GDĐT tại Công văn số 2728/SGDĐT-GDPT ngày 20/8/2026 của Sở GDĐT Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2026 – 2027 đảm bảo chủ động, linh hoạt, khả thi, phù hợp với điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, sử dụng ổn định, hiệu quả một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông thống nhất dùng chung trong cả nước; thực hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, không cắt xén nội dung, thời lượng, không gây quá tải cho học sinh; không tổ chức dạy học hình thức.

Tiếp tục duy trì tổ chức dạy học 2 buổi/ngày⁷ đối với 100% học sinh khối 9; đối với Khối 6,7,8 triển khai dạy học 2 buổi/ngày khi có đủ đội ngũ giáo viên. Lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức buổi 2 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường⁸. Ưu tiên củng cố kiến thức, kỹ năng; bồi dưỡng học

⁷ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông từ năm học 2025-2026; Kế hoạch số 251/KH-UBND của UBND tỉnh về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Kế hoạch số 3325/KH-SGDĐT ngày 12/11/2025 của Sở GDĐT về triển khai Kế hoạch số 251/KH-UBND của UBND tỉnh về tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 2518/SGDĐT-GDPT ngày 19/9/2025 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông; Công văn số 3179/SGDĐT-GDPT ngày 03/11/2025 của Sở GDĐT về hướng dẫn quản lý, tổ chức hoạt động chuyên môn cấp tiểu học sau sắp xếp các cơ sở giáo dục; Công văn số 504/SGDĐT-GDPT ngày 10/02/2026 của Sở GDĐT về tăng cường công tác quản lý và tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với GDPT trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

⁸ Công văn số 5215/BGDĐT-GDPT ngày 03/9/2025 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện mời chuyên gia,

sinh có năng khiếu; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM, khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, giáo dục hướng nghiệp và khởi nghiệp; từng bước đưa các nội dung công nghệ chiến lược, kỹ năng số, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm vào hoạt động giáo dục phù hợp. Tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong tổ chức hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục⁹, thiết thực, phù hợp với môn học, hoạt động giáo dục và đối tượng học sinh; không chồng chéo, không gây quá tải, không làm tăng nội dung, thời lượng học tập một cách cơ học. Tăng cường giáo dục pháp luật, ý thức và kỹ năng tham gia giao thông an toàn; hướng dẫn học sinh học tập kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên nền tảng “Bình dân học vụ số” phù hợp với lứa tuổi.

4.1.2. Đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên thiết kế và tổ chức bài học bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, khả năng tự học và vận dụng kiến thức của học sinh; tăng cường thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm và giải quyết vấn đề. Thực hiện phân hóa phù hợp với năng lực của từng nhóm học sinh; linh hoạt lựa chọn nội dung, phương pháp, học liệu, thiết bị và hình thức tổ chức dạy học; kịp thời hỗ trợ học sinh chưa đáp ứng yêu cầu cần đạt, đồng thời tạo cơ hội phát triển cho học sinh có năng khiếu.

Phát triển ngân hàng câu hỏi, học liệu số và tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thiết kế bài học, kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao chất lượng dạy học và quản trị giáo dục. Rà soát, cập nhật, khai thác hiệu quả tài liệu, học liệu số và nguồn học liệu mở dùng chung; điều chỉnh, bổ sung ngữ liệu phù hợp với thực tiễn địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính. Tăng cường sử dụng thiết bị dạy học, học liệu số và công nghệ; khai thác tối đa sử dụng thiết thực, hiệu quả thư viện, phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thiết bị dạy học và học liệu số. Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, hướng dẫn học sinh làm dụng cụ học tập phục vụ hoạt động thực hành; tăng cường giáo dục STEM, AI, Tin học và tiếng Anh gắn với hướng nghiệp và giáo dục toàn diện học sinh¹⁰. Đẩy mạnh khai thác kho học liệu số của Bộ GDĐT, Sở GDĐT và các nguồn học liệu mở có uy tín; tăng cường sử dụng bài giảng điện tử, mô phỏng 3D, phần mềm thí nghiệm ảo, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý giáo dục; nâng cao năng lực ứng dụng AI cho cán bộ quản lý, giáo viên, bảo đảm an toàn, phù hợp với môn học và lứa tuổi học sinh.

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học và bảo đảm sự thống nhất trong hoạt động chuyên môn; triển khai mô hình dạy học kết hợp trên nền tảng số, tạo lập môi trường giáo dục linh hoạt, cá thể hóa việc học và đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong kỷ nguyên số. Tăng cường phối hợp với các cơ sở văn hóa, thể thao, đơn vị quản

nghệ nhân, nghệ sĩ, huấn luyện viên, vận động viên tham gia các hoạt động giáo dục trong trường phổ thông; Công văn số 3711/UBND-VHXH ngày 17/8/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2026-2027 gắn với tăng cường giáo dục toàn diện, rèn luyện thể chất và thực hành nghệ thuật cho học sinh; đồng thời hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật, triển khai nội dung giáo dục STEAM đối với môn Âm nhạc và môn Mỹ thuật trong nhà trường TH và THCS.

⁹ Các nội dung về: quyền con người; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; bình đẳng giới; bảo vệ trẻ em; tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; chủ quyền biên giới, biển, đảo; quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng chống ma túy; phòng, chống thiên tai; tiết kiệm, và bảo vệ nguồn nước; giáo dục thông qua di sản; trật tự, an toàn giao thông và các nội dung giáo dục khác theo quy định.

¹⁰ Bộ GDĐT đã nghiên cứu, xây dựng mô hình phòng học STEM trong cơ sở giáo dục phổ thông theo hướng tích hợp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

lý di sản, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cộng đồng địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế. Các hoạt động phải có mục tiêu giáo dục rõ ràng, bảo đảm an toàn, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi; không tổ chức mang tính hình thức, không làm phát sinh chi phí không cần thiết hoặc gây áp lực cho học sinh và cha mẹ học sinh.

4.1.3. Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng tình giản, thiết thực, hiện đại¹¹

Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh, phản ánh chất lượng giáo dục thực chất cho học sinh: Thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, đảm bảo khách quan, công bằng, vì sự tiến bộ của học sinh¹². Kết hợp hợp lý giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ; nội dung đánh giá bám sát yêu cầu cần đạt của Chương trình giáo dục phổ thông.

4.1.4. Tổ chức các nội dung giáo dục gắn với yêu cầu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

a. Nội dung giáo dục địa phương

Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt, góp phần giúp học sinh hiểu biết sâu sắc về Quảng Ninh, bồi dưỡng tình yêu quê hương, hình thành năng lực sống, học tập, làm việc và ý thức trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của thành phố¹³.

Quá trình thực hiện bảo đảm cập nhật kịp thời những thay đổi về kinh tế, xã hội, văn hóa, khoa học và công nghệ, môi trường và giáo dục của Quảng Ninh; bảo đảm tính kết nối, liên tục giữa **lịch sử - hiện tại - tương lai**; phản ánh vị thế, tiềm năng, lợi thế và không gian phát triển mới của tỉnh; căn cứ điều kiện đội ngũ và cơ sở vật chất, các cơ sở giáo dục chủ động bố trí giáo viên, bảo đảm thời lượng, hình thức dạy học và khai thác, sử dụng học liệu hiệu quả; tăng cường chia sẻ, sử dụng học liệu dùng chung.

b. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đúng Chương trình GDPT 2018 và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, bảo đảm đủ nội dung, thời lượng và yêu cầu cần đạt; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện của nhà trường và địa phương¹⁴.

Đối với hoạt động tổ chức ngoài nhà trường, phải có kế hoạch, xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm, kinh phí, đơn vị phối hợp và trách nhiệm của các bên liên quan; bảo đảm an toàn cho học sinh và thực hiện đúng quy định về quản lý thu, chi. Không lạm dụng hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường; không tổ chức hoạt động không thiết thực, gây quá tải hoặc phát sinh khoản thu không cần thiết đối với học sinh, cha mẹ học sinh.

¹¹ Bộ GDĐT sẽ tiếp tục hoàn thiện các quy định về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học; nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT phù hợp với thực tiễn.

¹² Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT

¹³ Công văn số 5889/BGDĐT-GDTH ngày 27/9/2024 về việc tăng cường công tác chỉ đạo về biên soạn, tổ chức dạy học, in và phát hành tài liệu giáo dục địa phương; Công văn số 3107/SGDĐT-GDPT ngày 28/10/2022 về việc hướng dẫn nội dung giáo dục địa phương cấp trung học theo Chương trình GDPT 2018; Công văn số 3305/SGDĐT-GDPT ngày 18/10/2024 về việc nâng cao chất lượng dạy học nội dung giáo dục địa phương sử dụng trong cơ sở GDTrH tỉnh Quảng Ninh; Công văn số 1985/SGDĐT-GDPT ngày 18/6/2024 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn cập nhật, bổ sung hệ giá trị lịch sử, văn hóa, con người Quảng Ninh vào dạy học nội dung giáo dục địa phương và các văn bản hướng dẫn cập nhật, chỉnh sửa tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ninh.

¹⁴ Công văn số 5636/BGDĐT-GDTrH ngày 10/10/2023 của Bộ GDĐT về xây dựng kế hoạch dạy học các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Công văn số 3289/SGDĐT-GDPT ngày 10/11/2025 của Sở GDĐT Quảng Ninh về tăng cường quản lý, tổ chức hiệu quả Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

c. Giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, bước đầu hình thành nền tảng nguồn nhân lực cho các ngành công nghệ chiến lược quốc gia

Đẩy mạnh phong trào, nâng cao chất lượng chuyên môn trong nghiên cứu khoa học nhằm góp phần phát triển sức sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức, tăng cường sự hiểu biết về chuyên môn nghiệp vụ; phấn đấu có đề tài/sáng kiến kinh nghiệm trong ngành giáo dục. Đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM¹⁵, nâng cao chất lượng sản phẩm tham dự Cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Tổ chức ngày hội STEM/STEAM vào tháng 3/2027.

Khuyến khích học sinh tham gia sân chơi Toán học, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ: Hội thi Tin học trẻ, Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng, Hội thi Sáng tạo kỹ thuật, ... Thông qua các cuộc thi, hội thi, phát hiện, bồi dưỡng học sinh.

d. Triển khai phát triển năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số và các thiết bị dạy học thông minh, nâng cao chất lượng dạy và học chính khóa, năng lực tự học của học sinh.

Thực hiện hiệu quả việc phát triển năng lực số cho học sinh phổ thông theo Quyết định số 2422/QĐ-BGDĐT ngày 18/8/2026 của Bộ GDĐT về ban hành Khung nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông, Kế hoạch số 2378/KH-SGDĐT ngày 08/9/2025¹⁶ và hướng dẫn tại Công văn số 50/SGDĐT-GDPT ngày 07/01/2026¹⁷ của Sở GDĐT, kết quả giáo dục năng lực số được xác định theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ GDĐT quy định Khung năng lực số cho người học. Trong đó, chú trọng thực hiện một số nội dung sau: **(1)** Thực hiện lồng ghép mục tiêu, tích hợp các nội dung phát triển năng lực số vào kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch môn học, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT; **(2)** Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ về chủ đề công nghệ số bảo đảm phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi, điều kiện của học sinh và các miền năng lực trong Khung năng lực số; **(3)** Thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ để tăng cường giáo dục kỹ năng công dân số phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Tăng cường giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông theo Khung nội dung thí điểm giáo dục trí tuệ nhân tạo cho học sinh phổ thông của Bộ GDĐT; hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực thiết yếu của công dân số: nhận diện và phòng tránh rủi ro trên môi trường mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và danh tính số; giao tiếp, ứng xử văn minh; kiểm chứng thông tin; phòng tránh tin giả, lừa đảo trực tuyến; bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần.

Chủ động quản trị dữ liệu giáo dục; triển khai đồng bộ học bạ số và văn bằng số đối với giáo dục phổ thông, bảo đảm chuẩn hóa, kết nối, đồng bộ với ứng dụng VNeID; tăng cường giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, kiểm soát cảm xúc và ứng xử số, kỹ năng sử dụng mạng xã hội, các nền tảng giao tiếp trực tuyến và AI an toàn, có trách nhiệm; góp phần xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, lành mạnh. Tạo chuyển biến thực chất theo phương châm: *Dữ liệu phải đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung; hệ thống phải thông; quy trình phải đồng bộ; cán bộ quản lý phải sử dụng; giáo viên, học sinh phải có năng lực số và*

¹⁵ Công văn số 345/SGDĐT-GDPT ngày 03/4/2025 của Sở GDĐT về tăng cường triển khai giáo dục STEM đối với giáo dục trung học.

¹⁶ Kế hoạch số 2378/KH-SGDĐT ngày 08/9/2025 của Sở GDĐT về việc triển khai thực hiện Khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

¹⁷ Công văn số 50/SGDĐT-GDPT ngày 07/01/2026 của Sở GDĐT về việc phát triển năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

người dân phải được hưởng lợi.

e. Tổ chức dạy học tiếng Anh và nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ

Triển khai thực hiện dạy học môn ngoại ngữ (tiếng Anh) theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh¹⁸, và Bộ GDĐT, trong đó chú trọng các nội dung sau:

Triển khai thực chất Đề án đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; thực hiện phân loại theo mức độ đáp ứng về đội ngũ, chương trình, học liệu, môi trường sử dụng ngoại ngữ và điều kiện bảo đảm chất lượng. Ưu tiên bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giáo viên, xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, thực hành và sử dụng tiếng Anh trong các môn học, hoạt động giáo dục và sinh hoạt nhà trường.

Phát động phong trào giáo viên tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh góp phần xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong trường học, hỗ trợ thực hiện dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh theo lộ trình.

f. Tăng cường giáo dục nghệ thuật

Tổ chức đa dạng hoạt động giáo dục nghệ thuật trong và ngoài giờ học thông qua môn học, hoạt động giáo dục, câu lạc bộ Nghệ thuật, sân chơi và trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế. Khuyến khích học sinh sáng tạo, biểu diễn, cảm thụ nghệ thuật; giữ gìn, phát huy giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống, bản sắc dân tộc và địa phương; tiếp cận có chọn lọc nghệ thuật đương đại phù hợp với lứa tuổi. Tăng cường khai thác di sản, giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống đặc trưng của Quảng Ninh trong tổ chức giáo dục nghệ thuật; tạo điều kiện để học sinh tham gia giao lưu, biểu diễn, triển lãm, câu lạc bộ, sân chơi nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế.

g. Giáo dục thể chất và y tế trường học

Tổ chức hiệu quả môn Giáo dục thể chất, hoạt động thể thao và y tế trường học; chú trọng rèn luyện thể chất, chăm sóc sức khỏe và phòng, chống tai nạn, thương tích. Rà soát, bố trí đội ngũ, cơ sở vật chất, sân bãi và thiết bị để tổ chức các môn thể thao tự chọn được quy định trong môn Giáo dục thể chất theo Chương trình giáo dục phổ thông, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của học sinh và điều kiện của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ Chương trình môn Giáo dục thể chất; bảo đảm đủ 70 tiết/năm học và tỷ lệ phân bổ thời lượng cho các nội dung giáo dục theo quy định. Đối với 10% thời lượng dành cho đánh giá cuối học kỳ, cuối năm học được thể hiện linh hoạt bố trí trong kế hoạch giáo dục môn học phù hợp với tiến trình dạy học, nội dung, yêu cầu cần đạt và đặc điểm học sinh; không áp dụng máy móc một khung số tiết cố định cho từng thời điểm đánh giá; bảo đảm sử dụng đầy đủ, đúng mục đích thời lượng theo quy định của Chương trình.

Duy trì, phát triển các câu lạc bộ, hoạt động, giải thể thao trường học; tạo cơ hội để học sinh thường xuyên tham gia tập luyện, giao lưu, thi đấu và phát triển năng khiếu thể thao. Tiếp tục duy trì Giải Cầu lông truyền thống trường THCS Chu Văn An. Khuyến khích học sinh chơi bóng rổ, đá cầu và các hình thức vận động, rèn luyện thể chất phù hợp với lứa tuổi, điều kiện sức khỏe và điều kiện thực tế.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ GDĐT. Xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm; bố trí thời gian, lực lượng, cơ sở vật chất và tổ chức đánh giá phù hợp, an toàn, hiệu quả, không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; quản lý, lưu trữ kết quả và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

¹⁸ Kế hoạch số 306/KH-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện các Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” và “Tăng cường dạy và học ngoại ngữ”.

Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước và dạy bơi an toàn theo Kế hoạch số 1037/KH-SGDĐT triển khai Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh. Các cơ sở giáo dục lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng, chống đuối nước trong các môn học và hoạt động giáo dục; tăng cường thực hành, diễn tập kỹ năng nhận diện nguy cơ, xử lý tình huống và tự bảo vệ trong môi trường nước phù hợp với lứa tuổi, bảo đảm an toàn; rà soát học sinh biết bơi, chưa biết bơi, động viên học sinh học bơi.

h. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống

Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa, pháp luật, kỹ năng sống và trách nhiệm công dân; xây dựng văn hóa học đường; đẩy mạnh học tập, thực hành tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; hình thành ở học sinh các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam, lòng yêu nước, ý thức thượng tôn pháp luật, khát vọng cống hiến và trách nhiệm xã hội.

4.2. Thực hiện giáo dục bắt buộc và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

4.2.1. Công tác Phổ cập giáo dục

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong công tác điều tra, huy động trẻ em, học sinh đến trường, duy trì sĩ số, phối hợp vận động học sinh bỏ học trở lại trường và cập nhật dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ được phân cấp, phân định. Phối hợp với gia đình, chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan bảo đảm trẻ em trong độ tuổi thực hiện giáo dục bắt buộc được đến trường, học tập; kịp thời phát hiện, hỗ trợ học sinh có nguy cơ gián đoạn học tập.

4.2.2. Bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn; ưu tiên điều kiện đi học, sách giáo khoa, học liệu, bán trú, dinh dưỡng, tư vấn tâm lý và kết nối an sinh xã hội; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách đặc thù của Thành phố về hỗ trợ sách giáo khoa và hỗ trợ học sinh không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định. Bảo đảm các điều kiện học tập thiết yếu.

4.3. Thực hiện giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật

Đối với từng học sinh khuyết tật học hòa nhập, xây dựng, tổ chức thực hiện và thường xuyên điều chỉnh kế hoạch giáo dục cá nhân; điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, biện pháp hỗ trợ và kiểm tra, đánh giá phù hợp với dạng tật, mức độ khuyết tật và khả năng của học sinh; chú trọng phát triển kỹ năng giao tiếp, tự phục vụ, tự bảo vệ và hòa nhập cuộc sống.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch giáo dục cá nhân và khả năng của từng học sinh¹⁹; coi trọng sự nỗ lực, tiến bộ, không tạo áp lực thành tích; không sử dụng kết quả học tập của học sinh khuyết tật học hòa nhập làm căn cứ gây bất lợi trong đánh giá, thi đua đối với giáo viên và cơ sở giáo dục.

Rà soát, thực hiện đúng đối tượng, đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với học sinh khuyết tật và giáo viên trực tiếp tham gia giáo dục học sinh khuyết tật; cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu học sinh khuyết tật trên cơ sở dữ liệu ngành.

4.3. Bảo đảm các điều kiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông

4.3.1. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, sách giáo khoa, tài liệu và học liệu

Bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Rà soát, bố trí đủ phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, khu bán trú, công trình vệ sinh, nước sạch và các điều kiện thiết yếu phục vụ

¹⁹ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh THCS và học sinh THPT.

dạy học, giáo dục. Kịp thời sửa chữa, khắc phục các hạng mục xuống cấp, nguy cơ mất an toàn; bổ sung thiết bị dạy học còn thiếu theo quy định²⁰. Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hiện có; mua sắm, bổ sung theo nhu cầu thực tế, đúng quy định, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

Bảo đảm sách giáo khoa, tài liệu và học liệu: Tổ chức thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa theo quy định của Chính phủ và Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Ninh; bảo đảm học sinh có đủ sách giáo khoa phục vụ học tập ngay từ đầu năm học²¹. Thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, bảo quản sách giáo khoa theo quy định; bảo đảm đầy đủ, kịp thời tài liệu giáo dục địa phương, học liệu và các điều kiện cần thiết phục vụ tổ chức dạy học.

Bảo đảm sách giáo khoa, tài liệu và học liệu: Tiếp nhận, cung ứng đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa, tài liệu giáo dục địa phương và học liệu, bảo đảm học sinh có đủ sách phục vụ học tập ngay từ đầu năm học. Thực hiện chính sách miễn phí sách giáo khoa theo quy định của Chính phủ, HĐND tỉnh và các văn bản hướng dẫn; quản lý, sử dụng, bảo quản sách giáo khoa đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm²². Tăng cường kiểm tra, tuyên truyền, hướng dẫn giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh nhận biết và phòng, chống sách giáo khoa giả, sách in lậu, học liệu không bảo đảm chất lượng.

Triển khai sử dụng bộ sách giáo khoa thống nhất: Tổ chức sử dụng bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông thống nhất toàn quốc theo quy định và hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT²³. Phát huy tính chủ động, linh hoạt của giáo viên trong khai thác, sử dụng sách giáo khoa; lựa chọn, cập nhật, bổ sung ngữ liệu, tài liệu, học liệu phù hợp, bảo đảm yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT, tính khoa học, chính xác, hiện đại và gắn với thực tiễn. Kịp thời báo cáo Sở GDĐT những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai để được hướng dẫn, giải quyết hoặc tổng hợp, báo cáo Bộ GDĐT theo thẩm quyền.

4.3.2. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục

Rà soát thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân sự hỗ trợ giáo dục theo vị trí việc làm, môn học, quy mô trường, lớp và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chủ động phân công, bố trí, sử dụng đội ngũ hiện có phù hợp, bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình và các hoạt động giáo dục. Xác định cụ thể số lượng, cơ cấu đội ngũ thiếu theo từng vị trí việc làm, môn học; tổng hợp nhu cầu, kịp thời báo cáo, đề xuất theo phân cấp quản lý để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với các môn học chưa bảo đảm đủ giáo viên, nhà trường xây dựng, đề xuất phương án bố trí, sử dụng đội ngũ; thực hiện việc tiếp nhận, phối hợp tổ chức dạy học liên trường,

²⁰ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS và Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số quy định tại các Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu.

²¹ Nghị định số 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.

²² Nghị định số 271/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về miễn phí sách giáo khoa giáo dục phổ thông và miễn học phí, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh tại cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; Nghị quyết số 93/2025/NQ-HĐND ngày 16/12/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ninh và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện.

²³ Quyết định số 3588/QĐ-BGDĐT ngày 26/12/2025 của Bộ GDĐT về bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc; Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT ngày 29/01/2026 của Bộ GDĐT về bổ sung sách giáo khoa giáo dục phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc; Công văn số 296/SGDĐT-GDPT ngày 24/01/2026 của Sở GDĐT về triển khai bộ sách giáo khoa phổ thông sử dụng thống nhất toàn quốc; Công văn số 502/SGDĐT-GDPT ngày 10/02/2026 về thông báo bổ sung sách giáo khoa theo Quyết định số 185/QĐ-BGDĐT và tăng cường phòng, chống sách giáo khoa giả; Công văn số 620/SGDĐT-GDPT ngày 25/02/2026 về tăng cường công tác quản lý, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, công tác kiểm tra, đánh giá và triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học từ năm học 2026-2027.

theo cụm trường theo hướng dẫn của Sở GDĐT, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức, tạo điều kiện để cán bộ quản lý, giáo viên tham gia bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng bồi dưỡng năng lực về đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, dạy học môn tích hợp, môn học lựa chọn, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, giáo dục hòa nhập, giáo dục học sinh dân tộc thiểu số và nâng cao năng lực quản trị nhà trường.

Phát huy vai trò của giáo viên cốt cán, cán bộ quản lý cốt cán trong hỗ trợ chuyên môn; tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục và theo cụm trường thiết thực, hiệu quả, bám sát Chương trình giáo dục phổ thông, nhiệm vụ năm học và nhu cầu phát triển nghề nghiệp của đội ngũ; tập trung trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học và thực hiện Chương trình; tránh hình thức, không làm phát sinh hồ sơ, thủ tục không cần thiết²⁴.

4.4. Bảo đảm chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Thực hiện tự đánh giá đúng thực trạng, xây dựng và thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế; chủ động rà soát, kịp thời tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền bảo đảm các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các nguồn lực cần thiết để thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

Thường xuyên rà soát, xây dựng lộ trình để củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng; chủ động tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền và chính quyền địa phương bố trí nguồn lực, đầu tư, bổ sung các điều kiện còn thiếu, bảo đảm duy trì các tiêu chuẩn, tiêu chí và mức độ đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

4.5. Đổi mới quản lý giáo dục, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chuyển đổi số

4.5.1. Đổi mới quản lý giáo dục theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp

Chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm hoạt động dạy học, giáo dục và quản trị nhà trường ổn định, liên tục, thông suốt, không để xảy ra khoảng trống, chồng chéo hoặc gián đoạn trong quá trình thực hiện.

Chủ động phối hợp với UBND phường, Phòng VH-XH và các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục phổ thông, tập trung vào: duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; huy động, duy trì sĩ số học sinh, phòng ngừa và khắc phục tình trạng học sinh bỏ học; bảo đảm an toàn trường học, cơ sở vật chất và các điều kiện tổ chức dạy học; thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh; công tác y tế trường học, bảo vệ trẻ em; cập nhật, quản lý và đối soát dữ liệu ngành.

Thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chuyên môn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GDĐT; chủ động triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, văn hóa ứng xử, giáo dục thể chất, nghệ thuật, STEM/STEAM, khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục.

Tăng cường công tác quản trị nhà trường; sử dụng hiệu quả đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các nguồn lực được giao; thực hiện công khai, dân chủ, bảo đảm an toàn, kỷ cương, nề nếp trường học. Chủ động rà soát, phát hiện và kịp thời báo cáo Sở Giáo dục

²⁴ Công văn số 4069/BGDĐT-GDPT ngày 01/7/2026 về việc hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong cơ sở giáo dục phổ thông và sinh hoạt cụm chuyên môn.

và Đào tạo, UBND phường và cơ quan có thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh để được hướng dẫn, giải quyết.

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý; phân công rõ trách nhiệm, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện công tác chuyển trường, tiếp nhận học sinh chuyển đến và giải quyết các trường hợp chuyển đi đúng quy định và theo hướng dẫn của Sở GDĐT, xếp lớp đảm bảo khách quan, công bằng; bảo đảm đầy đủ hồ sơ, quy trình, thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, đồng thời cập nhật kịp thời, chính xác thông tin, dữ liệu học sinh theo quy định.

4.5.2. Nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường

Tiếp tục đổi mới quản trị nhà trường theo hướng phát huy tính chủ động, tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường; thực hiện các giải pháp cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; bảo đảm an toàn trường học, dân chủ, công khai và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của hiệu trưởng theo quy định²⁵.

Tăng cường quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thường xuyên theo dõi, phân tích kết quả học tập, rèn luyện, chuyên cần của học sinh; tình hình đội ngũ, cơ sở vật chất, thiết bị và các điều kiện tổ chức dạy học; tiếp nhận phản ánh, ý kiến của học sinh, cha mẹ học sinh để kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục, phân công và sử dụng đội ngũ, tổ chức hỗ trợ học sinh và thực hiện các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp với thực tiễn của nhà trường.

Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục; thực hiện nghiêm các quy định về dạy học, kiểm tra, đánh giá và tổ chức các kỳ thi, bảo đảm nghiêm túc, khách quan, công bằng, thực chất. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục, việc thực hiện quy chế chuyên môn, kỷ luật, kỷ cương và các hoạt động thuộc phạm vi quản lý; tăng cường tự kiểm tra, kiểm tra nội bộ, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các sai phạm, tiêu cực theo quy định.

Thực hiện đầy đủ, đúng quy định các nội dung công khai trong cơ sở giáo dục; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm giải trình và vai trò giám sát của viên chức, người lao động, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng; kịp thời tiếp nhận, xử lý, phản hồi các ý kiến, kiến nghị liên quan đến hoạt động của nhà trường.

4.5.3. Chuyển đổi số, học bạ số và quản trị dữ liệu giáo dục

Triển khai hiệu quả học bạ số, hồ sơ điện tử, học liệu số, tuyển sinh trực tuyến và các ứng dụng số trong quản lý, dạy học, kiểm tra, đánh giá. Bảo đảm 100% học sinh có học bạ số được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời, kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo quy định²⁶.

²⁵ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

²⁶ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Công văn số 1458/BGDĐT-GDPT ngày 02/4/2025 của Bộ GDĐT về tăng cường chỉ đạo thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và triển khai Học bạ số; Công văn số 3456/BGDĐT-GDPT ngày 27/6/2025 của Bộ GDĐT hướng dẫn triển khai thực hiện khung năng lực số cho học sinh phổ thông và học viên giáo dục thường xuyên.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị dữ liệu: Thường xuyên rà soát, cập nhật dữ liệu về học sinh, đội ngũ, cơ sở vật chất và các dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, an toàn và dùng chung”; tăng cường khai thác, sử dụng dữ liệu phục vụ quản trị nhà trường, tổ chức dạy học và thực hiện các chế độ, chính sách; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

Giảm hồ sơ, thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu số: Thực hiện nguyên tắc dữ liệu đã có trên hệ thống không yêu cầu giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh cung cấp lại; không yêu cầu báo cáo trùng lặp, không phát sinh hồ sơ, sổ sách ngoài quy định. Người đứng đầu cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, an toàn của dữ liệu và việc khai thác, sử dụng dữ liệu tại đơn vị.

4.6. Bảo đảm an toàn, kỷ cương trường học và tăng cường kiểm tra, giám sát

4.6.1. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, kỷ cương

Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, dân chủ, kỷ cương, thân thiện; thực hiện nghiêm quy định về an toàn trường học, đạo đức nhà giáo, văn hóa học đường và quy tắc ứng xử. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo, bạo lực học đường, xâm phạm danh dự, nhân phẩm, thân thể của nhà giáo và học sinh.

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát các nguy cơ mất an toàn, nhất là bạo lực, xâm hại trẻ em, tai nạn thương tích, đuối nước, cháy nổ, mất an toàn thực phẩm, tệ nạn xã hội và nguy cơ trên môi trường số; thường xuyên rà soát cơ sở vật chất, thiết bị, khu vực có nguy cơ mất an toàn; có phương án và xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố.

Bảo đảm an toàn đối với học sinh bán trú; quản lý chặt chẽ việc ăn, ở, sinh hoạt, học tập và chăm sóc sức khỏe. Tăng cường tư vấn tâm lý, công tác xã hội trường học; phát hiện sớm, tư vấn, hỗ trợ và phối hợp xử lý đối với học sinh có khó khăn về tâm lý, bị bạo lực, xâm hại, kỳ thị hoặc có nguy cơ mất an toàn.

4.6.2. Quản lý dạy thêm, học thêm; các khoản thu, chi, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội

Thực hiện nghiêm quy định về dạy thêm, học thêm; nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường và giảm áp lực học tập cho học sinh²⁷.

Thực hiện đúng quy định về công khai, quản lý tài chính, thu, chi, tài trợ, huy động nguồn lực xã hội và hoạt động phối hợp, liên kết; bảo đảm tự nguyện, minh bạch, đúng mục đích, thẩm quyền. Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hành vi lạm thu, ép buộc đóng góp, ép buộc học thêm hoặc lợi dụng hoạt động giáo dục, tài trợ và huy động nguồn lực xã hội để thu các khoản trái quy định; không lợi dụng hoạt động phối hợp, liên kết hoặc danh nghĩa tự nguyện để ép buộc học sinh tham gia, thu tiền trái quy định.

4.6.3. Kiểm tra, giám sát, tiếp nhận và xử lý phản ánh

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nội dung tác động trực tiếp đến quyền lợi học sinh, chất lượng giáo dục và điều kiện bảo đảm; tập trung vào lĩnh vực có nguy cơ phát sinh vi phạm hoặc phản ánh kéo dài. Việc kiểm tra, giám sát phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu và tình hình thực tiễn nhằm hỗ trợ, chấn chỉnh, tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng giáo dục.

Kịp thời tiếp nhận, xử lý và phản hồi các phản ánh, kiến nghị về hoạt động GDPT; xác định rõ trách nhiệm và thời hạn giải quyết. Chủ động cung cấp thông tin chính xác, kịp thời

²⁷ Công văn số 555/SGDĐT - GDPT ngày 13/5/2026 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

về nhiệm vụ năm học, kết quả đổi mới GDPT và chính sách đối với học sinh, giáo viên, cơ sở giáo dục, tạo đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

Chịu trách nhiệm chung; ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch; phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ sản phẩm.

Thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước và của địa phương đối với giáo viên theo đúng quy chế chỉ tiêu nội bộ.

Đề nghị các cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc xử lý đối với tổ chức, cá nhân có thành tích hoặc vi phạm trong việc thực hiện công tác chuyên môn.

2. Phó hiệu trưởng

Thực hiện theo quy định phân công nhiệm vụ; có trách nhiệm xây dựng các bản kế hoạch hoạt động theo mảng chuyên môn được giao phụ trách, đồng thời kiểm tra hướng dẫn đôn đốc các phân triển khai thực hiện kế hoạch.

3. Tổ, nhóm chuyên môn

Căn cứ các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ (nhóm) chuyên môn.

Các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động và các chỉ tiêu phân đầu căn cứ nhiệm vụ được giao. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của tổ. Tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ. Xây dựng các chuyên đề trong năm học theo từng tháng.

4. Các đoàn thể, các tổ chức trong nhà trường

Đảng bộ: Chỉ đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường.

Đoàn - Đội: Xây dựng kế hoạch hoạt động của Đoàn - Đội để tham gia thực hiện tốt kế hoạch của nhà trường. Tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa trong nhà trường nhằm động viên tinh thần học tập của HS, giúp các em thoải mái về tinh thần tạo động lực tốt trong học tập.

Nhân viên Thiết bị - Thư viện: Đảm bảo phục vụ việc sử dụng TBDH và tài liệu học tập của GV và HS. Đảm bảo chế độ của GV và học sinh kịp thời.

Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và Ban ĐD CMHS các lớp: Phối hợp cùng giáo dục đạo đức học sinh. Thường xuyên chăm lo tới các hoạt động phong trào của nhà trường, có quy chế khen thưởng kịp thời để động viên phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến.

5. Giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm, nhân viên, người lao động: thực hiện theo phân công nhiệm vụ

4.1. Giáo viên bộ môn

Tham gia đầy đủ các nội dung bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch của Sở GD&ĐT, của nhà trường, của tổ chuyên môn.

Thực hiện đúng kế hoạch giáo dục môn học nhà trường đã ban hành; đảm bảo thực hiện đúng nền nếp chuyên môn. Sử dụng triệt để TBDH đã có cho bộ môn và

khuyến khích tự làm thêm TBDH cho bộ môn (nếu có). Chịu trách nhiệm quản lý học sinh trong giờ học và đảm bảo chất lượng bộ môn.

Xây dựng và hoàn thành kế hoạch BDTX của cá nhân; nghiêm chỉnh thực hiện các quy định về BDTX của Sở GD&ĐT và của nhà trường trong năm học. Căn cứ kế hoạch của tổ nhóm và thực tế học sinh của lớp mình để đăng kí chỉ tiêu thi đua.

Thực hiện nghiêm túc việc đổi mới kiểm tra đánh giá chất lượng học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh. Chấm chữa bài chính xác, tỉ mỉ, chi tiết, trả bài kiểm tra đúng quy định. Cho điểm đúng quy chế, đúng tiến độ. Đề kiểm tra được nhóm chuyên môn thống nhất trong khối theo ma trận, đặc tả của bộ môn.

Tích cực ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số trong dạy học.

Có đủ hồ sơ, sổ sách cá nhân theo quy định.

4.2. Giáo viên chủ nhiệm

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp cụ thể theo tuần, tháng, học kì, năm học, căn cứ thực tế để đăng kí chỉ tiêu thi đua của lớp mình.

Tổ chức tiết Sinh hoạt lớp hàng tuần.

Tăng cường việc quản lý học sinh trong lớp và trong trường. Đảm bảo duy trì sĩ số, liên hệ thường xuyên với cha mẹ học sinh, giáo viên bộ môn để cùng quản lý, giáo dục học sinh.

Thực hiện việc giáo dục ý thức đạo đức cho học sinh trong các buổi sinh hoạt lớp hoặc đầu giờ. Phân công nhiệm vụ hợp lý cho đội ngũ cán bộ lớp để phát huy năng lực của học sinh trong lớp.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị UBND phường Cẩm Phả một số đề xuất như sau:

1. Tạo điều kiện cho nhà trường có đủ vị trí việc làm theo Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT Hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập để đảm bảo cho hoạt động dạy học và chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Tham mưu với các cấp quản lý cho phép trường Trung học cơ sở Chu Văn An chủ động trong việc xây dựng cơ chế tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh.

3. Tham mưu với các cấp tiếp tục đầu tư, bổ sung bổ sung các phòng nghỉ bán trú đáp ứng dạy học 2 buổi/ngày; bổ sung nhà để xe cho giáo viên; thiết bị phòng Thư viện đề xây dựng thư viện điện tử; bổ sung các thiết bị phòng học STEM; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà trường để đảm bảo đủ các tiêu chí xây dựng Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục.

Trên đây là Kế hoạch năm học 2026 - 2027, Trường THCS Chu Văn An yêu cầu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có

vướng mắc, phát sinh, các đoàn thể, cá nhân báo cáo với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng để điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện thực tế./.

Nơi nhận:

- UBND phường Cẩm Phả (b/c);
- Phòng VH-XH (b/c);
- BGH, tổ CM, tổ VP (t/h);
- LD, ĐTN (t/h);
- Công khai trên trang web;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bắc



TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THEO THÁNG

(Kèm theo kế hoạch số 518/KH-THCSCT ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

Tháng	Công tác trọng tâm	Thực hiện	Điều chỉnh
8/2026	- Tham dự các lớp tập huấn chuyên môn của Sở GD&ĐT; - Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch Bồi dưỡng chuyên môn CBQL và GV hè 2026; - Tổ chức biên chế lớp học phân công giảng dạy. Xây dựng phương án tổ chức dạy học đáp ứng các cấp độ phòng chống dịch bệnh, thiên tai. - Chuẩn bị tốt mọi điều kiện cho năm học mới; lưu ý đến các thiết bị được cung cấp, Phòng học thông minh, Phòng học bộ môn, TVTB. - Xây dựng KHDG nhà trường theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT; xây dựng KHGD môn học - Tổ chức nghiên cứu học tập Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về đánh giá xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT. - HS tựu trường: 29/8/2026	CBQL, GV	
9/2026	- Tổ chức Lễ Khai giảng 05/9/2026 - Ổn định đầu năm học. - Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, BDTX, Kế hoạch chuyên môn của trường, của tổ chuyên môn. - Tổ chức học Tiếng Anh trên nền tảng số - Hướng dẫn các nhiệm vụ chuyên môn trọng tâm đầu năm cho toàn thể CBGV. - Xây dựng KH tổ chức chuyên đề dạy học các môn - Ôn đội tuyển HSG lớp 9, hướng dẫn HS nghiên cứu khoa học KT, thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng. - Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ - Tổ chức Hội nghị CMHS đầu năm học. - Triển khai thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thực hiện CT GDPT 2018	CBQL, GVNV CBQL, TTCM CBQL, GV CBQL, GV CBQL, GV CBQL và GV 2 tổ CM GV Ban KT nội bộ BGH, GVNV BGH, CD CB-GV-NV	

	- Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện Luật giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường. - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	Liên đội, GVCN CBGVNV	
10/2027	- Tổ chức Hội nghị viên chức, người lao động - Tăng cường ôn luyện HSG các môn VH, hướng dẫn HS thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng. - Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ. - Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện Luật giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường - Tổ chức Đại hội Liên Đội - Ra mắt các Câu lạc bộ - Tổ chức Tuần lễ học tập suốt đời - Tổ chức Hội thi văn nghệ - Tổ chức giải Cầu lông truyền thống - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	CBQL, GV Tổ KHXH BGH, GVNV CM THCS CBQL, GVNV Liên Đội Liên Đội CBGVNV	
11/2026	- Thực hiện tốt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS giữa kỳ I. - Hướng dẫn học sinh nghiên cứu KHKT, thi Sáng tạo TTNNĐ cấp thành phố. - Tổ chức các hoạt động kỉ niệm ngày 20/11. - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	CBQL, GV CBQL, GV CBQL, GV Ban tổ chức CBGVNV	
12/2026	- Tổ chức tốt công tác kiểm tra cuối kỳ I. - Tham gia Hội thi Câu lạc bộ Tiếng Anh - Kiểm tra nội bộ - Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện Luật giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường; các qui định về quản lý pháo và vật liệu nổ. - Tổ chức Ngoại khóa kỷ niệm 82 năm Ngày thành lập QĐNDVN - Tăng cường ôn luyện cho các HSG dự thi cấp tỉnh. - Tổ chức hoạt động trải nghiệm, giáo dục truyền thống lịch sử địa phương. - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	CBQL, GV Tổ NN-NT Liên đội, GVCN Liên đội, GVCN Liên đội, GVCN Chuyên môn Liên đội, GVCN	

1/2027	- Tổ chức sơ kết học kỳ I; hoàn thiện báo cáo sơ kết học kỳ. - Triển khai thực hiện chương trình học kỳ II - Kiểm tra nội bộ. - Tham gia Kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh. - Tổ chức Thi GVCN giỏi cấp trường - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	CBQL, GV CBQL và GV BGH, tổ CM Các đội tuyển BGH, GVCN	
2/2027	- Tham gia cuộc thi GV dạy giỏi THCS cấp thành phố. - Củng cố nề nếp, hoạt động chuyên môn trước và sau Tết Nguyên đán. - Kiểm tra nội bộ. - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	Tổ CM THCS và GV ôn các đội tuyển, Chuyên môn	
3/2027	- Tổ chức chuyên đề liên trường môn KHTN - Chuẩn bị tốt cho việc ôn thi tuyển sinh lớp 10 và công tác hướng nghiệp phân luồng HS - Rà soát thực hiện chương trình; tăng cường công tác bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, giáo viên. - Tổ chức kiểm tra, đánh giá giữa kỳ II. - Kiểm tra nội bộ. - Tổ chức Ngày hội giáo dục STEM. - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	Tổ KHTN Chuyên môn CBQL và GV Chuyên môn Chuyên môn CBQL, GV	
4/2027	- Rà soát việc thực hiện chương trình; tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu ở các khối lớp để nâng cao chất lượng dạy học. - Chuẩn bị các điều kiện để tổ chức kiểm tra cuối học kỳ II. - Kiểm tra nội bộ - Học trên nền tảng Bình dân học vụ số	Chuyên môn CBQL và GV CBQL và GV CBQL và GV CBQL và GV	
5/2027	- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học kỳ II. - Rà soát việc thực hiện chương trình; thực hiện hoàn thành chương trình học kỳ II theo đúng kế hoạch thời gian năm học. - Tham gia Cuộc thi STTNND năm 2026. - Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp THCS. - Tổ chức tổng kết năm học, báo cáo cuối năm... - Thực hiện công tác đánh giá, xếp loại công tác bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên.	BGH, GV Chuyên môn Hội đồng xét TN BGH, GVNV và HS BGH, GNVN	

6/2027	- Hoàn thiện các loại báo cáo theo yêu cầu năm học; - Thực hiện công tác tuyển sinh lớp 6	BGH, các bộ phận Hội đồng TS	
7/2027	- Thi Tuyển sinh THPT theo KH của Sở GD&ĐT. - Tham gia các lớp tập huấn chuyên môn do Sở GD&ĐT tổ chức. - Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu,	CBQL, GV CBQL, GVNV	



Phụ lục 1: Danh sách CB-GV-NV thuộc các tổ chuyên môn
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

*** Tổ Khoa học Xã hội**

TT	Họ và tên	Chức vụ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Bắc	Hiệu trưởng	
2	Đỗ Thị Bích Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	
3	Bùi Hương Thủy	Tổ phó chuyên môn	
4	Bùi Thị Thanh Hà	Giáo viên	
5	Tổng Thị Hòa	Giáo viên	
6	Hoàng Thị Thảo	Giáo viên, BTĐTN	
7	Trần Thị Kim Anh	Giáo viên	
8	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên	
9	Nguyễn Thị Thảo	Giáo viên	
10	Trịnh Thị Ngọc Linh	Giáo viên	
11	Trần Thanh Huyền	Giáo viên	
12	Tô Thị Hiên	Giáo viên	
13	Phạm Thị Huyền	Giáo viên	

*** Tổ Khoa học Tự nhiên**

TT	Họ và tên	Chức vụ	GHI CHÚ
1	Đặng Chí Quyết	Phó Hiệu trưởng	
2	Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng chuyên môn	
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tổ phó chuyên môn	
4	Hoàng Thị Bích Hồng	Giáo viên	
5	Bùi Thị Hồng Lam	Giáo viên	
7	Nguyễn Thị Phượng	Giáo viên, TB TTrND	
8	Phạm Thị Thu Hà	Giáo viên	
9	Phạm Đức Hạnh	Giáo viên	
10	Nguyễn Phương Hà	Giáo viên	
11	Cao Thị Hà	Giáo viên	
12	Nguyễn Thị Minh	Giáo viên	
13	Vũ Bích Phương	Giáo viên	
14	Trần Bích Ngọc	Giáo viên	
15	Đỗ Thị Huyền	GVTG	
16	Nguyễn Thị Thủy	Giáo viên	

*** Tổ Ngoại Ngữ - Nghệ Thuật**

TT	Họ và tên	Chức vụ	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	

TT	Họ và tên	Chức vụ	GHI CHÚ
2	Nguyễn Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	
3	Dương Tú Quỳnh	Tổ phó chuyên môn	
4	Trần Thị Thu Hương	Tổng phụ trách	
5	Bùi Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	
6	Nguyễn Thị Nhung	Giáo viên	
7	Lê Thị Hồng Phượng	Giáo viên	
8	Nguyễn Thị Chinh	Giáo viên	
9	Nguyễn Mạnh Quyền	Giáo viên	
10	Tạ Thị Thùy Linh	Giáo viên	
11	Bùi Ngọc Trinh	Giáo viên	
12	Nguyễn Thị Vi	Giáo viên	

*** Tổ văn phòng**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Thiện Hiền	Tổ trưởng-Nhân viên thư viện	
2	Mai Thị Thanh Nga	Tổ phó-Nhân viên Kế toán	
3	Phạm Thị Thanh Hoa	Nhân viên Thiết bị-Thư viện	
4	Trịnh Thị Thùy Trang	Nhân viên y tế	
5	Đặng Xuân Việt	Nhân viên bảo vệ	
6	Trần Đức Bình	Nhân viên bảo vệ	
7	Trần Công Chính	Nhân viên bảo vệ	
8	Nguyễn Thị Dịu	Nhân viên Lao công	
9	Nguyễn Thị Nguyên	Nhân viên Lao công	
7	Nguyễn Thị Nga	Nhân viên Lao công	



Phụ lục 02: Cơ sở vật chất nhà trường

Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m2/học sinh
I	Số phòng học	28	0,0287
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	28	
2	Số phòng học bộ môn	6	
3	Bình quân lớp/phòng học	1,00	
4	Bình quân học sinh/lớp	43	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m2)	10343,7	8,5911
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	2700	2,2425
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m2)	1638	1,3605
2	Diện tích phòng học bộ môn (m2)	479,25	0,4496
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m2)	51,84	0,0486
3	Diện tích thư viện (m2)	155,52	0,1459
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m2)	728	0,6829
5	Diện tích phòng khác (Truyền thống.)(m2)	77,76	0,0729
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 6	1	0,1 bộ/lớp
2	Khối lớp 7	1	0,1 bộ/lớp
3	Khối lớp 8	1	0,1 bộ/lớp
4	Khối lớp 9	1	0,1 bộ/lớp
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	0	

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m2/học sinh
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	4	
1	Ti vi	6	
2	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
3	Thiết bị khác (máy in, poto)	4	



Phụ lục 3. Danh sách giáo viên chủ nhiệm lớp năm học 2026 – 2027
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

STT	Họ và tên	Lớp CN	Trình độ chuyên môn	Số điện thoại
1	Đỗ Thị Bích Phượng	6A1	ĐH SP Ngữ văn	0934237746
2	Trịnh Thị Ngọc Linh	6A2	Ths Lịch sử - Văn học	0374691841
3	Nguyễn Thị Thu Thủy	6A3	ĐH SP Hóa học-Toán học	0384353846
4	Nguyễn Thị Hoa	6A4	ĐH SP Ngữ văn	0385608048
5	Trần Thanh Huyền	6A5	ĐH SP Ngữ văn	0383282169
6	Dương Tú Quỳnh	6A6	ĐH SP ÂN, GDCT	0986717789
7	Nguyễn Thanh Hương	6A7	ĐH SP Tiếng anh	0379067558
8	Lê Thị Lệ	7A1	ĐHSP Địa lý	0976629333
9	Tổng Thị Hòa	7A2	ĐHSP Lịch sử	0973881724
10	Phạm Thị Huyền	7A3	Ths Văn học	0914551288
11	Nguyễn Thị Chinh	7A4	ĐH SP Tiếng anh	0904694826
12	Bùi Thị Thanh Hà	7A5	Thạc sĩ Văn học	0974716858
13	Nguyễn Thị Nhung	7A6	ĐH SP Tiếng anh	0919050808
14	Bùi Hương Thủy	8A1	ĐH SP Địa lý	0969859525
15	Tô Thị Hiên	8A2	Ths Văn học	0367930648
16	Vũ Bích Phương	8A3	ĐH Hóa	0986889844
17	Nguyễn Thị Phượng	8A4	Ths Toán học	0762191056
18	Bùi Thị Hồng Lam	8A5	ĐH SP Sinh học	0915039268
19	Trần Bích Ngọc	8A6	Ths Toán học	0982617517
20	Hoàng Thị Thảo	8A7	ĐH SP Ngữ văn	0388638155
21	Cao Thị Hà	8A8	ĐH SP Kỹ thuật	0978975485
22	Bùi Thị Ánh Tuyết	9A1	ĐH SP Tiếng Anh	0382388159
23	Nguyễn Phương Hà	9A2	Ths Hóa học	0389668628

STT	Họ và tên	Lớp CN	Trình độ chuyên môn	Số điện thoại
24	Nguyễn Thị Thảo	9A3	ĐH SP GD CD	0987368202
25	Trần Thị Kim Anh	9A4	ĐH SP Ngữ văn	0986172588
26	Nguyễn Thị Vân	9A5	ĐH SP Toán	0932260835
27	Hoàng Thị Bích Hồng	9A6	Ths Vật lý	0986197212
28	Lê Thị Hồng Phượng	9A7	ĐH SP Tiếng Anh	0936722188



Phụ lục 4: Phân công giáo viên ôn đội tuyển

(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

TT	Họ tên giáo viên	Trình độ CM	Đội tuyển	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Vân	Đại học Toán	Toán 9	Nhóm trưởng
2	Đỗ Thị Huyền	Đại học Toán	Toán 9	
3	Nguyễn Thị Phương	Thạc sỹ Toán	Toán 9	
4	Trần Bích Ngọc	Thạc sỹ Toán	Toán 10	
5	Nguyễn Thanh Hương	Đại học Anh	Tiếng Anh 9	Nhóm trưởng
6	Nguyễn Thị Nhung	Đại học Anh	Tiếng Anh 9	
7	Lê Thị Hồng Phượng	Đại học Anh	Tiếng Anh 9	
8	Nguyễn Thị Chinh	Thạc sỹ Anh	Tiếng Anh 9	
9	Đỗ Thị Bích Phượng	Đại học Văn	Ngữ văn 9	Nhóm trưởng
10	Bùi Thị Thanh Hà	Thạc sỹ Văn	Ngữ văn 9	
11	Hoàng Thị Thảo	Đại học Văn	Ngữ văn 9	
12	Trần Thị Kim Anh	Đại học Ngữ Văn	Ngữ văn 9	
13	Nguyễn Thị Thu Thủy	Đại học Hóa	Khoa học tự nhiên 9	Nhóm trưởng
14	Nguyễn Phương Hà	Thạc sỹ Hoá	Khoa học tự nhiên 9	
15	Bùi Thị Hồng Lam	Đại học Sinh	Khoa học tự nhiên 9	
16	Hoàng Thị Bích Hồng	Thạc sỹ Vật lý	Khoa học tự nhiên 9	
17	Bùi Hương Thủy	Đại học Địa lý	Lịch sử, Địa lý 9	Nhóm trưởng
18	Tổng Thị Hòa	Đại học Lịch sử	Lịch sử, Địa lý 9	
19	Trịnh Thị Ngọc Linh	Thạc sỹ Lịch sử	Lịch sử, Địa lý 9	
20	Nguyễn Thị Thảo	Đại học GD&ĐT	GD&ĐT 9	Nhóm trưởng
21	Nguyễn Thị Minh	Đại học Tin	Tin học 9	Nhóm trưởng
22	Phạm Đức Hạnh	Đại học Toán	STTTNNĐ, KHKT	Nhóm trưởng
23	Nguyễn Thị Hoa	Đại học Ngữ văn	STTTNNĐ, KHKT	
24	Tạ Thị Thùy Linh	Thạc sỹ GD&ĐT	TD&ĐT	Nhóm trưởng
25	Bùi Ngọc Trinh	Đại học GD&ĐT	TD&ĐT	
26	Cao Thị Hà	Đại học SP Kỹ thuật	Công nghệ 9	Nhóm trưởng



Phụ lục 5: Trải nghiệm STEM

(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

TT	Số tiết	Nội dung chủ đề/ chủ điểm	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Hình thức tổ chức hoạt động	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
1	4	Trải nghiệm STEM: “Làm sữa chua”	- Đề xuất nguyên liệu và các cách thức làm sữa chua - Hoàn thành sản phẩm - Thuyết trình sản phẩm trước lớp	- Máy tính; Màn hình tương tác	- Trải nghiệm - Thực hành - Báo cáo sản phẩm	Tiết 1: Tìm hiểu các bước làm sữa chua Tiết 2,3: Trải nghiệm làm sữa chua Tiết 4: Báo cáo sản phẩm tại lớp	KHTN 6 (tháng 12)
2	4	Trải nghiệm STEM: “Sản phẩm tái chế từ các đồ dùng trong gia đình”	- Đề xuất được một số phương án tái chế và tạo được một số sản phẩm từ các vật dụng trong gia đình bỏ đi hoặc dư thừa góp phần bảo vệ môi trường.	- Máy tính - Màn hình tương tác	- Trải nghiệm - Báo cáo sản phẩm	- Tiết 1: Tổng hợp kiến thức - Tiết 2: Đề xuất các thiết kế - Tiết 3: Trưng bày sản phẩm trên lớp theo góc	KHTN 6 (tháng 1)
3	3	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	- Nhận biết được hình lăng trụ đứng, các yếu tố đặc trưng cho hình lăng trụ đứng	Máy tính	- Trải nghiệm	Tiết 1: Tìm hiểu các kiến thức về lăng trụ đứng	Toán 7 (tháng 10)
			- Biết cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lăng trụ đứng	MHTT	- Báo cáo sản phẩm	Tiết 2, 3: Trải nghiệm stem: chế tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	

TT	Số tiết	Nội dung/ chủ đề/ chủ điểm	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Hình thức tổ chức hoạt động	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
				Giấy, bìa, kéo, keo dán, thước,...		Tiết 4: Báo cáo sản phẩm làm đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	
4	3	Bảo quản thực phẩm	- Lựa chọn được phương pháp bảo quản phù hợp cho các loại thực phẩm phổ biến trong gia đình	Máy tính MHTT	- Trải nghiệm	Tiết 1: Tìm hiểu các kiến thức về bảo quản thực phẩm	Công nghệ 6 (tháng 12)
			- Đưa ra được nhận xét cho một sản phẩm công nghệ phù hợp về chức năng, độ bền, thẩm mỹ, hiệu quả, an toàn.		- Thực hành	Tiết 2: Trải nghiệm tham quan siêu thị về cách bảo quản thực phẩm	
			- Có ý thức vận dụng các kiến thức, kỹ năng về bảo quản thực phẩm vào trong cuộc sống hằng ngày.		- Báo cáo sản phẩm	Tiết 3: Báo cáo sản phẩm bảo quản thực phẩm tại nhà.	
5	3	Bài 28. Sự truyền nhiệt. Stem đèn tự xoay.	- Vận dụng kiến thức về sự truyền nhiệt (đối lưu), làm được đèn tự xoay (đèn kéo quân)	Máy tính	- Trải nghiệm	-Tiết 1: Tìm hiểu kiến thức nền	KHTN 8
			Lựa chọn được vật liệu phù hợp đảm hoạt động được, an toàn, thẩm mỹ cao	MHTT	- Thực hành	Tiết 2: Tìm hiểu các bước làm đèn tự xoay	

TT	Số tiết	Nội dung/ chủ đề/ chủ điểm	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Hình thức tổ chức hoạt động	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
				Giấy, bìa, kéo, keo dán, thước,...	- Báo cáo sản phẩm	Tiết 3: Báo cáo sản phẩm	
6	4	Mũ sinh nhật Bài Hình trụ, hình nón	- Vận dụng kiến thức về hình trụ hình nón làm mũ sinh nhật	Máy tính	- Trải nghiệm	-Tiết 1+2+3: Tìm hiểu kiến thức nền	Toán 9
				MHTT	- Thực hành	Tiết 3: Tìm hiểu các bước làm mũ sinh nhật	
				Giấy, bìa, kéo, keo dán, thước,...	- Báo cáo sản phẩm	Tiết 4: Báo cáo sản phẩm	
7	3	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều: thiệp hoa toán học(Bài 18. Hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều)	- Vẽ được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều bằng dụng cụ học tập.	Máy tính	Trải nghiệm	Tiết 1: Tìm hiểu các kiến thức về tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Toán 6(Tháng 9/2026)
			- Vận dụng cách tạo hình tam giác đều, hình vuông, lục giác đều kết hợp với yếu tố mỹ thuật để tạo ra thiệp và trang trí thiệp.	MHTT	Báo cáo sản phẩm	Tiết 2: Trải nghiệm stem: thiết kế thiệp hoa toán học	
				Bìa cứng, giấy màu, kéo, thước,....		Tiết 3: Báo cáo sản phẩm	
8	3	Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng. Bài	- Nhận biết được hình lăng trụ đứng, các yếu tố đặc trưng cho hình lăng trụ đứng	Máy tính	- Trải nghiệm	Tiết 1,2: Tìm hiểu các kiến thức về lăng trụ đứng	Toán 7 (tháng 2/2027)

TT	Số tiết	Nội dung/ chủ đề/ chủ điểm	Yêu cầu cần đạt	Sử dụng TBDH; Ứng dụng CNTT	Hình thức tổ chức hoạt động	Hướng dẫn thực hiện	Ghi chú
		Lăng trụ đứng tam giác	- Biết cách tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần, thể tích hình lăng trụ đứng	MHTT	- Báo cáo sản phẩm	Tiết 2: Trải nghiệm stem: chế tạo đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	
				Giấy, bìa, kéo, keo dán, thước,...		Tiết 3: Báo cáo sản phẩm làm đồ dùng dạng hình lăng trụ đứng	
9	2	Bài 11a. Sử dụng bản mẫu tạo bài trình chiếu	- Sử dụng được các bản mẫu (template). - Đưa được vào trang chiếu đường dẫn đến video hay tài liệu khác. - Tạo được các sản phẩm số phục vụ học tập, giao lưu và trao đổi thông tin.	Máy tính, tivi hoặc máy chiếu	Hoạt động nhóm trong lớp học	Tiết 1. Tìm hiểu về bản mẫu trong phần mềm trình chiếu, thực hành. Tiết 2. Thực hành	Tin học 8 (Tiết 21,22)
10	2	Bài 12. Trình bày thông tin ở dạng bảng	- Biết được ưu điểm của việc trình bày thông tin ở dạng bảng. - Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản.	Máy tính, tivi hoặc máy chiếu	Hoạt động nhóm trong lớp học	Tiết 1. Tìm hiểu về trình bày thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo. Tiết 2. Thực hành	Tin học 6 (Tiết 23,24)

Phụ lục 6: Đăng ký nội dung đổi mới trong việc thực hiện nhiệm vụ
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TÊN SÁNG KIẾN/NỘI DUNG ĐỔI MỚI
1	Nguyễn Thị Bắc	Hiệu trưởng	Biện pháp xây dựng văn hóa sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong đội ngũ giáo viên trường THCS.
2	Đặng Chí Quyết	Phó Hiệu trưởng	Ứng dụng công nghệ AI trong công tác quản lý chuyên môn ở trường THCS
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác chủ nhiệm lớp trong việc phối hợp nhà trường – gia đình – xã hội ở trường THCS.
4	Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng chuyên môn	Một số biện pháp nâng cao chất lượng ôn tuyển sinh vào lớp 10 THPT môn Toán
5	Nguyễn Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Tăng cường các hoạt động xây dựng môn trường ngoại ngữ trong nhà trường
6	Đỗ Thị Bích Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	Một số biện pháp rèn kỹ năng viết cho HS lớp 6
7	Trần Thị Thu Hương	Tổng phụ trách	Một số biện pháp tạo hứng thú cho học sinh ở môn Nghệ thuật - Âm nhạc thông qua ứng dụng AI
8	Hoàng Thị Thảo	Bí thư Chi Đoàn TN	Một số biện pháp nâng cao năng lực đọc hiểu môn Ngữ văn 8 thông qua ứng dụng công nghệ số.
9	Nguyễn Thị Phượng	TB thanh tra nhân dân	Ứng dụng công nghệ AI vào giảng dạy môn Toán 8 nhằm phát huy năng lực của học sinh
10	Bùi Hương Thủy	Tổ phó chuyên môn	Ứng dụng công nghệ AI vào giảng dạy phân môn địa lý 9 nhằm phát huy năng lực của học sinh
11	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tổ phó chuyên môn	Phát triển năng lực học sinh thông qua dạy học Stem môn KHTN 8, mạch kiến thức "Chất và sự biến đổi chất"
12	Dương Tú Quỳnh	Tổ phó chuyên môn	Một số biện pháp dạy học môn Âm nhạc với sự hỗ trợ của AI nhằm phát huy năng lực sáng tạo của học sinh
13	Bùi Thị Thanh Hà	Giáo viên	Một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản môn Ngữ văn 9 thông qua ứng dụng AI
14	Trần Thị Kim Anh	Giáo viên	Một số biện pháp nâng cao năng lực số cho học sinh trong dạy học môn Ngữ văn 8.
15	Nguyễn Thị Chinh	Giáo viên	Phát triển kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh qua các hoạt động STEM trải nghiệm cho học sinh THCS
16	Cao Thị Hà	Giáo viên	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học Bản vẽ nhà nhằm phát triển năng lực tư duy không gian và giải quyết vấn đề cho học sinh lớp 8
17	Nguyễn Phương Hà	Giáo viên	Ứng dụng thí nghiệm lượng nhỏ (micro-scale experiment) trong dạy học KHTN 8

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TÊN SÁNG KIẾN/NỘI DUNG ĐỔI MỚI
18	Phạm Đức Hạnh	Giáo viên	Thiết kế chuỗi hoạt động trải nghiệm thống kê - xác suất gắn với đời sống cho học sinh lớp 7
19	Tô Thị Hiên	Giáo viên	Ứng dụng trò chơi trên nền tảng số để tăng cường tương tác giữa GV và học sinh tại trong dạy học Ngữ văn THCS lớp 8
20	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên	Ứng dụng phần mềm canva trong dạy học môn Ngữ văn 6 tại trường THCS
21	Tổng Thị Hòa	Giáo viên	Phát triển năng lực số cho học sinh thông qua dạy học môn Lịch sử THCS
22	Hoàng Thị Bích Hồng	Giáo viên	Phát triển năng lực số cho HS trong dạy học môn KHTN trường THCS
23	Phạm Thị Huyền	Giáo viên	Đa dạng cách thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh THCS
24	Trần Thanh Huyền	Giáo viên	Một số biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản môn Ngữ văn 6 thông qua ứng dụng AI
25	Bùi Thị Hồng Lam	Giáo viên	Sử dụng phần mềm mô phỏng thí nghiệm ảo để kích thích tư duy tự học trong dạy học môn KHTN
26	Tạ Thị Thuỳ Linh	Giáo viên	Giải pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt CLB TDTT tại trường THCS Chu Văn An
27	Trịnh Thị Ngọc Linh	Giáo viên	Ứng dụng năng lực số trong giảng dạy phân môn Lịch sử nhằm nâng cao hứng thú học tập cho học sinh
28	Nguyễn Thị Minh	Giáo viên	Khai thác trí tuệ nhân tạo trong dạy học lập trình nhằm phát triển tư duy tính toán và năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THCS.
29	Trần Bích Ngọc	Giáo viên	Ứng dụng năng lực số trong giảng dạy môn Toán 8 để nâng cao chất lượng dạy học
30	Nguyễn Thị Nhung	Giáo viên	Một số biện pháp ứng dụng công nghệ số trong dạy listening.
31	Vũ Bích Phương	Giáo viên	Sử dụng AI thiết kế trò chơi củng cố kiến thức trong dạy học KHTN 8
32	Lê Thị Hồng Phượng	Giáo viên	Cá thể hóa hoạt động luyện nói tiếng Anh cho học sinh lớp 7 thông qua ứng dụng trí tuệ nhân tạo
33	Nguyễn Mạnh Quyền	Giáo viên	Xây dựng kỹ năng cơ bản trong nhận biết và thực hành về màu sắc Mỹ thuật lớp 6.
34	Bùi Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	Ứng dụng năng lực số trong giảng dạy môn Tiếng Anh cấp THCS nhằm nâng cao hứng thú học tập cho học sinh
35	Nguyễn Thị Thảo	Giáo viên	Xây dựng và khai thác sản phẩm số theo mạch nội dung giáo dục quyền con người trong dạy học môn GDCD cấp THCS.
36	Bùi Ngọc Trinh	Giáo viên	Đưa một số trò chơi dân gian vào phương pháp dạy học giáo dục thể chất
37	Trịnh Thị Thuỳ Trang	Nhân viên y tế	Xây dựng Hồ sơ sức khỏe số tích hợp Mã QR Cá nhân và Sổ theo dõi Y tế thông minh cho học sinh

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TÊN SÁNG KIẾN/NỘI DUNG ĐỔI MỚI
38	Phạm Thị Thanh Hoa	Nhân viên thư viện	Một số biện pháp thu hút học sinh tham gia hoạt động đọc sách tại thư viện trường THCS
39	Nguyễn Thị Thiện Hiền	Tổ trưởng - Nhân viên thư viện	Một số biện pháp bảo quản tốt hồ sơ lưu trữ và công tác tuyển sinh trong nhà trường
40	Mai Thị Thanh Nga	Tổ phó - Nhân viên Kế toán	Một số biện pháp thực hiện công tác quản lý Thu - Chi các khoản dịch vụ trong nhà trường

Phụ lục 7: Các chuyên đề, ngoại khóa
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

***) Tổ Khoa học Xã hội**

TT	TG thực hiện	Môn-lớp	Tên chuyên đề và ngoại khóa	Hình thức	Người thực hiện
1	Tháng 10	Ngữ văn	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI nhằm tạo hứng thú trong dạy học đọc hiểu Ngữ văn THCS	Cấp cụm	Hoàng Thị Thảo Nguyễn Thị Hoa
2	Tháng 3	GDCD	Xây dựng và khai thác sản phẩm số theo mạch nội dung giáo dục quyền con người trong dạy học môn GDCD cấp THCS.	Cấp trường	Nguyễn Thị Thảo

***) Tổ Khoa học Tự nhiên**

TT	TG thực hiện	Môn-lớp	Tên chuyên đề và ngoại khóa	Hình thức	Người thực hiện
1	Tháng 11	Công nghệ	Nghiên cứu bài học & Ứng dụng AI trong giảng dạy đối với các môn Công nghệ THCS	Chuyên đề cấp cụm	Cao Thị Hà Phạm Đức Hạnh
2	Tháng 10	Toán	Ứng dụng AI trong công tác giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Toán	Cấp trường	Nguyễn Phụng
3	Tháng 3	Ngoại Khóa	Ngày hội STEM	Cấp trường	Cả tổ

***) Tổ Ngoại ngữ-Nghệ thuật**

TT	TG thực hiện	Môn-lớp	Tên chuyên đề và ngoại khóa	Hình thức	Người thực hiện
1	Tháng 10	Tiếng Anh 7	Tích hợp các nền tảng công nghệ (Quizizz, Canva, Padlet) nhằm phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác cho học sinh qua chủ đề Community Service (Tiếng Anh 7).	Cấp trường	Nguyễn Nhung, Lê Phụng + Nhóm Anh
2	Tháng 10	Tiếng Anh	Ngoại khóa: Learn and Play: Mỗi ngày một điều mới	Cấp trường	Đ/c Trần Hương TPT + Cả tổ
3	Tháng 2	Mĩ thuật 6	Màu sắc trong cuộc sống	Cấp trường	Nguyễn Quyền + Nhóm NT

Phụ lục 8: Sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

***) Tổ Khoa học Tự nhiên:**

TT	Bộ môn	Thời gian	Phân công	Nội dung sinh hoạt	Cấp thực hiện	Ghi chú
1	Khoa học tự nhiên	Tháng 4	Nguyễn Phương Hà	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI trong dạy học KHTN	Tổ	
2	Tin	Tháng 3	Nguyễn Thị Minh	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI trong dạy học Tin học	Tổ	
3	Toán	Tháng 2	Trần Bích Ngọc	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI trong dạy học môn Toán	Tổ	

***) Tổ Khoa học Xã hội:**

TT	Bộ môn	Thời gian	Phân công	Nội dung sinh hoạt	Cấp thực hiện	Ghi chú
1	Ngữ văn 6	Tháng 9	Trần Thanh Huyền	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI trong dạy học đọc hiểu Ngữ Văn 6	Tổ	
2	Lịch sử	Tháng 11	Trịnh Linh	Tích hợp năng lực số và ứng dụng AI trong dạy học phân môn Lịch sử	Tổ	

***) Tổ Ngoại ngữ-Nghệ thuật:**

TT	Bộ môn	Thời gian	Phân công	Nội dung sinh hoạt	Cấp thực hiện	Ghi chú
1	NT- Nhạc	Tháng 2	Trần Hương, Tú Quỳnh	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học Nghệ thuật – Âm nhạc	Tổ	
2	GDTC	Tháng 3	Tạ Linh, Bùi Trinh	Nâng cao kỹ chiến thuật trong thi đấu cầu lông	Tổ	
3	Tiếng Anh	Tháng 4	Nguyễn Chinh + Nhóm Anh	Nâng cao năng lực số và Năng lực AI trong dạy học Tiếng Anh	Tổ	

Phụ lục 9.1: Đăng kí chất lượng môn/Khối lớp năm học 2026 – 2027
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

Môn	Khối	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
TOÁN	6	312	189	60,6	107	34,3	16	5,13					
	7	270	139	51,5	121	44,8	10	3,70					
	8	314	179	57,0	120	38,2	15	4,78					
	9	308	169	54,9	130	42,2	9	2,92					
	Tổng	1204	676	56,1	478	39,7	50	4,15					
NGŨ VĂN	6	312	205	65,7	107	34,3	0	0,00					
	7	270	120	44,4	144	53,3	6	2,22					
	8	314	132	42,0	176	56,1	6	1,91					
	9	308	142	46,1	161	52,3	5	1,62					
	Tổng	1204	599	49,8	588	48,8	17	1,41					
TIẾNG ANH	6	312	163	52,2	134	42,9	15	4,81					
	7	270	179	66,3	89	33,0	2	0,74					
	8	314	169	53,8	130	41,4	15	4,78					
	9	308	182	59,1	118	38,3	8	2,60					
	Tổng	1204	693	57,6	471	39,1	40	3,32					
KHTN	6	312	158	50,6	136	43,6	18	5,77					
	7	270	196	72,6	61	22,6	13	4,81					
	8	314	209	66,6	96	30,6	9	2,87					
	9	308	212	68,8	87	28,2	9	2,92					
	Tổng	1204	775	64,4	380	31,6	49	4,07					
LSĐL	6	312	240	76,9	65	20,8	7	2,24					
	7	270	210	77,8	54	20,0	6	2,22					
	8	314	213	67,8	100	31,8	0	0,00					

Môn	Khối	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	9	308	212	68,8	82	26,6	14	4,55					
	Tổng	1204	875	72,7	301	25,0	27	2,24					
CÔNG NGHỆ	6	312	213	68,3	100	32,1	0	0,00					
	7	270	172	63,7	86	31,9	12	4,44					
	8	314	227	72,3	72	22,9	15	4,78					
	9	308	219	71,1	82	26,6	7	2,27					
	Tổng	1204	831	69,0	340	28,2	34	2,82					
GD CD	6	312	245	78,5	67	21,5	0	0,00					
	7	270	217	80,4	53	19,6	0	0,00					
	8	314	240	76,4	74	23,6	0	0,00					
	9	308	257	83,4	51	16,6	0	0,00					
	Tổng	1204	959	79,7	245	20,3	0	0,00					
TIN HỌC	6	312	194	62,2	111	35,6	7	2,24					
	7	270	137	50,7	121	44,8	12	4,44					
	8	314	200	63,7	105	33,4	9	2,87					
	9	308	210	68,2	91	29,5	7	2,27					
	Tổng	1204	741	61,5	428	35,5	35	2,91					
GDĐP	6	312							312	100,0	0	0,0	
	7	270							270	100,0	0	0,0	
	8	314							314	100,0	0	0,0	
	9	308							308	100,0	0	0,0	
	Tổng	1204							1204	100,0	0	0,0	
GDTC	6	312							312	100,0	0	0,0	
	7	270							270	100,0	0	0,0	
	8	314							314	100,0	0	0,0	
	9	308							308	100,0	0	0,0	

Môn	Khối	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Tổng	1204							1204	100,0	0	0,0	
HĐTN,HN	6	312							312	100,0	0	0,0	
	7	270							270	100,0	0	0,0	
	8	314							314	100,0	0	0,0	
	9	308							308	100,0	0	0,0	
	Tổng	1204							1204	100,0	0	0,0	
NGHỆ THUẬT	6	312							312	100,0	0	0,0	
	7	270							270	100,0	0	0,0	
	8	314							314	100,0	0	0,0	
	9	308							308	100,0	0	0,0	
	Tổng	1204							1204	100,0	0	0,0	

Phụ lục 9.2: Đăng kí chất lượng môn/Khối lớp năm học 2026 - 2027
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
TOÁN	6A1	45	27	60,0	16	35,6	2	4,44					
	6A2	45	28	62,2	15	33,3	2	4,44					
	6A3	44	27	61,4	15	34,1	2	4,55					
	6A4	45	27	60,0	15	33,3	3	6,67					
	6A5	45	25	55,6	17	37,8	3	6,67					
	6A6	44	27	61,4	15	34,1	2	4,55					
	6A7	44	28	63,6	14	31,8	2	4,55					
	Tổng	312	189	60,6	107	34,3	16	5,13					
	7A1	45	23	51,1	20	44,4	2	4,44					
	7A2	45	22	48,9	21	46,7	2	4,44					
	7A3	45	22	48,9	21	46,7	2	4,44					
	7A4	45	22	48,9	21	46,7	2	4,44					
	7A5	45	25	55,6	19	42,2	1	2,22					
	7A6	45	25	55,6	19	42,2	1	2,22					
	Tổng	270	139	51,5	121	44,8	10	3,70					
	8A1	40	22	55,0	15	37,5	3	7,50					
	8A2	39	21	53,8	16	41,0	2	5,13					
	8A3	39	22	56,4	16	41,0	1	2,56					
	8A4	39	20	51,3	17	43,6	2	5,13					
	8A5	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A6	40	25	62,5	15	37,5	0	0,00					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	8A7	39	24	61,5	13	33,3	2	5,13					
	8A8	39	20	51,3	15	38,5	4	10,26					
	Tổng	314	179	57,0	120	43,6	15	4,78					
TOÁN	9A1	45	24	53,3	19	42,2	2	4,44					
	9A2	44	22	50,0	20	45,5	2	4,55					
	9A3	44	23	52,3	20	45,5	1	2,27					
	9A4	44	24	54,5	19	43,2	1	2,27					
	9A5	43	27	62,8	16	37,2	0	0,00					
	9A6	45	27	60,0	18	40,0	0	0,00					
	9A7	43	22	51,2	18	41,9	3	6,98					
	Tổng	308	169	54,9	130	40,0	9	2,92					
NGỮ VĂN	6A1	45	23	51,1	22	48,9	0	0,00					
	6A2	45	30	66,7	15	33,3		0,00					
	6A3	44	30	68,2	14	31,8		0,00					
	6A4	45	31	68,9	14	31,1		0,00					
	6A5	45	31	68,9	14	31,1		0,00					
	6A6	44	30	68,2	14	31,8		0,00					
	6A7	44	30	68,0	14	31,8		0,00					
	Tổng	312	205	65,7	107	34,3	0	0,00					
	7A1	45	17	37,8	27	60,0	1	2,22					
	7A2	45	18	40,0	25	55,6	2	4,44					
	7A3	45	17	37,8	26	57,8	2	4,44					
	7A4	45	18	40,0	26	57,8	1	2,22					
	7A5	45	25	55,6	20	44,4	0	0,00					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	7A6	45	25	55,6	20	44,4	0	0,00					
	Tổng	270	120	44,4	144	53,3	6	2,22					
	8A1	40	16	40,0	23	57,5	1	2,50					
	8A2	39	16	41,0	22	56,4	1	2,56					
	8A3	39	16	41,0	22	56,4	1	2,56					
	8A4	39	17	43,6	22	56,4	0	0,00					
	8A5	39	16	41,0	22	56,4	1	2,56					
	8A6	40	16	40,0	23	57,5	1	2,50					
	8A7	39	17	43,6	21	53,8	1	2,56					
	8A8	39	18	46,2	21	53,8	0	0,00					
	Tổng	314	132	42,0	176	56,4	6	1,91					
NGŨ VĂN	9A1	45	20	44,4	25	55,6	0	0,00					
	9A2	44	20	45,5	23	52,3	1	2,27					
	9A3	44	20	45,5	24	54,5	0	0,00					
	9A4	44	20	45,5	23	52,3	1	2,27					
	9A5	43	20	46,5	22	51,2	1	2,33					
	9A6	45	22	48,9	22	48,9	1	2,22					
	9A7	43	20	46,5	22	51,2	1	2,33					
	Tổng	308	142	46,1	161	48,9	5	1,62					
TIẾNG ANH	6A1	45	28	62,2	17	37,8	0	0,00					
	6A2	45	18	40,0	22	48,9	5	11,11					
	6A3	44	28	63,6	16	36,4	0	0,00					
	6A4	45	20	44,4	21	46,7	4	8,89					
	6A5	45	22	48,9	20	44,4	3	6,67					
	6A6	44	21	47,7	21	47,7	2	4,55					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	6A7	44	26	59,1	17	38,6	1	2,27					
	Tổng	312	163	52,2	134	42,9	15	4,81					
	7A1	45	28	62,2	16	35,6	1	2,22					
	7A2	45	26	57,8	18	40,0	1	2,22					
	7A3	45	32	71,1	13	28,9	0	0,00					
	7A4	45	29	64,4	16	35,6	0	0,00					
	7A5	45	32	71,1	13	28,9	0	0,00					
	7A6	45	32	71,1	13	28,9	0	0,00					
	Tổng	270	179	66,3	89	33,0	2	0,74					
	8A1	40	16	40,0	19	47,5	5	12,50					
	8A2	39	18	46,2	17	43,6	4	10,26					
	8A3	39	25	64,1	14	35,9		0,00					
	8A4	39	20	51,3	18	46,2	1	2,56					
	8A5	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A6	40	24	60,0	15	37,5	1	2,50					
	8A7	39	23	59,0	15	38,5	1	2,56					
	8A8	39	18	46,2	19	48,7	2	5,13					
	Tổng	314	169	53,8	130	46,2	15	4,78					
TIẾNG ANH	9A1	45	26	57,8	17	37,8	2	4,44					
	9A2	44	25	56,8	17	38,6	2	4,55					
	9A3	44	26	59,1	17	38,6	1	2,27					
	9A4	44	26	59,1	17	38,6	1	2,27					
	9A5	43	26	60,5	17	39,5	0	0,00					
	9A6	45	28	62,2	17	37,8	0	0,00					
	9A7	43	25	58,1	16	37,2	2	4,65					
	Tổng	308	182	59,1	118	37,8	8	2,60					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
KHTN	6A1	45	22	48,9	20	44,4	3	6,67					
	6A2	45	21	46,7	20	44,4	4	8,89					
	6A3	44	25	56,8	18	40,9	1	2,27					
	6A4	45	22	48,9	21	46,7	2	4,44					
	6A5	45	23	51,1	20	44,4	2	4,44					
	6A6	44	21	47,7	19	43,2	4	9,09					
	6A7	44	24	54,5	18	40,9	2	4,55					
	Tổng	312	158	50,6	136	43,6	18	5,77					
	7A1	45	30	66,7	12	26,7	3	6,67					
	7A2	45	33	73,3	10	22,2	2	4,44					
	7A3	45	31	68,9	12	26,7	2	4,44					
	7A4	45	32	71,1	11	24,4	2	4,44					
	7A5	45	35	77,8	8	17,8	2	4,44					
	7A6	45	35	77,8	8	17,8	2	4,44					
	Tổng	270	196	72,6	61	22,6	13	4,81					
	8A1	40	23	57,5	15	37,5	2	5,00					
	8A2	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A3	39	26	66,7	12	30,8	1	2,56					
	8A4	39	26	66,7	12	30,8	1	2,56					
	8A5	39	28	71,8	10	25,6	1	2,56					
	8A6	40	27	67,5	12	30,0	1	2,50					
	8A7	39	26	66,7	12	30,8	1	2,56					
	8A8	39	28	71,8	10	25,6	1	2,56					
	Tổng	314	209	66,6	96	30,8	9	2,87					
KHTN	9A1	45	31	68,9	13	28,9	1	2,22					
	9A2	44	29	65,9	14	31,8	1	2,27					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	9A3	44	31	70,5	12	27,3	1	2,27					
	9A4	44	31	70,5	11	25,0	2	4,55					
	9A5	43	31	72,1	11	25,6	1	2,33					
	9A6	45	31	68,9	13	28,9	1	2,22					
	9A7	43	28	65,1	13	30,2	2	4,65					
	Tổng	308	212	68,8	87	28,9	9	2,92					
LSDL	6A1	45	35	77,8	9	20,0	1	2,22					
	6A2	45	33	73,3	11	24,4	1	2,22					
	6A3	44	32	72,7	11	25,0	1	2,27					
	6A4	45	34	75,6	10	22,2	1	2,22					
	6A5	45	34	75,6	10	22,2	1	2,22					
	6A6	44	32	72,7	11	25,0	1	2,27					
	6A7	44	33	75,0	10	22,7	1	2,27					
	Tổng	312	233	74,7	72	23,1	7	2,24					
	7A1	45	34	75,6	10	22,2	1	2,22					
	7A2	45	35	77,8	9	20,0	1	2,22					
	7A3	45	34	75,6	10	22,2	1	2,22					
	7A4	45	35	77,8	9	20,0	1	2,22					
	7A5	45	36	80,0	8	17,8	1	2,22					
	7A6	45	36	80,0	8	17,8	1	2,22					
	Tổng	270	210	77,8	54	20,0	6	2,22					
	8A1	40	27	67,5	13	32,5	0	0,00					
	8A2	38	26	68,4	12	31,6	0	0,00					
	8A3	39	27	69,2	12	30,8	0	0,00					
	8A4	39	25	64,1	14	35,9	0	0,00					
	8A5	39	26	66,7	13	33,3	0	0,00					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	8A6	40	28	70,0	12	30,0	0	0,00					
	8A7	39	26	66,7	13	33,3	0	0,00					
	8A8	39	28	71,8	11	28,2	0	0,00					
	Tổng	313	213	68,1	100	33,3	0	0,00					
LSDL	9A1	45	30	66,7	13	28,9	2	4,44					
	9A2	44	28	63,6	14	31,8	2	4,55					
	9A3	44	32	72,7	10	22,7	2	4,55					
	9A4	44	31	70,5	11	25,0	2	4,55					
	9A5	43	30	69,8	11	25,6	2	4,65					
	9A6	45	31	68,9	12	26,7	2	4,44					
	9A7	43	30	69,8	11	25,6	2	4,65					
	Tổng	308	212	68,8	82	26,7	14	4,55					
CÔNG NGHỆ	6A1	45	31	68,9	14	31,1	0	0,00					
	6A2	45	30	66,7	15	33,3	0	0,00					
	6A3	44	32	72,7	12	27,3	0	0,00					
	6A4	45	30	66,7	15	33,3	0	0,00					
	6A5	45	29	64,4	16	35,6	0	0,00					
	6A6	44	30	68,2	14	31,8	0	0,00					
	6A7	44	31	70,5	14	31,8	0	0,00					
	Tổng	312	213	68,3	100	32,1	0	0,00					
	7A1	45	28	62,2	15	33,3	2	4,44					
	7A2	45	29	64,4	14	31,1	2	4,44					
	7A3	45	29	64,4	14	31,1	2	4,44					
	7A4	45	28	62,2	15	33,3	2	4,44					
	7A5	45	29	64,4	14	31,1	2	4,44					
	7A6	45	29	64,4	14	31,1	2	4,44					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Tổng	270	172	63,7	86	31,9	12	4,44					
	8A1	40	29	72,5	9	22,5	2	5,00					
	8A2	39	28	71,8	9	23,1	2	5,13					
	8A3	39	28	71,8	9	23,1	2	5,13					
	8A4	39	27	69,2	10	25,6	2	5,13					
	8A5	39	29	74,4	9	23,1	1	2,56					
	8A6	40	29	72,5	9	22,5	2	5,00					
	8A7	39	28	71,8	9	23,1	2	5,13					
	8A8	39	29	74,4	8	20,5	2	5,13					
	Tổng	314	227	72,3	72	25,6	15	4,78					
CÔNG NGHỆ	9A1	45	31	68,9	13	28,9	1	2,22					
	9A2	44	29	65,9	14	31,8	1	2,27					
	9A3	44	33	75,0	10	22,7	1	2,27					
	9A4	44	32	72,7	11	25,0	1	2,27					
	9A5	43	31	72,1	11	25,6	1	2,33					
	9A6	45	32	71,1	12	26,7	1	2,22					
	9A7	43	31	72,1	11	25,6	1	2,33					
	Tổng	308	219	71,1	82	26,7	7	2,27					
GD&CD	6A1	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	6A2	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	6A3	44	35	79,5	9	20,5	0	0,00					
	6A4	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	6A5	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	6A6	44	35	79,5	9	20,5	0	0,00					
	6A7	44	35	79,5	9	20,5	0	0,00					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	Tổng	312	245	78,5	67	21,5	0	0,00					
	7A1	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	7A2	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	7A3	45	35	77,8	10	22,2	0	0,00					
	7A4	45	36	80,0	9	20,0	0	0,00					
	7A5	45	38	84,4	7	15,6	0	0,00					
	7A6	45	38	84,4	7	15,6	0	0,00					
	Tổng	270	217	80,4	53	19,6	0	0,00					
	8A1	40	30	75,0	10	25,0	0	0,00					
	8A2	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	8A3	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	8A4	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	8A5	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	8A6	40	30	75,0	10	25,0	0	0,00					
	8A7	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	8A8	39	30	76,9	9	23,1	0	0,00					
	Tổng	314	240	76,4	74	23,1	0	0,00					
GD CD	9A1	45	38	84,4	7	15,6	0	0,00					
	9A2	44	36	81,8	8	18,2	0	0,00					
	9A3	44	38	86,4	6	13,6	0	0,00					
	9A4	44	36	81,8	8	18,2	0	0,00					
	9A5	43	36	83,7	7	16,3	0	0,00					
	9A6	45	38	84,4	7	15,6	0	0,00					
	9A7	43	35	81,4	8	18,6	0	0,00					
	Tổng	308	257	83,4	51	15,6	0	0,00					
TIN HỌC	6A1	45	28	62,2	16	35,6	1	2,22					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	6A2	45	28	62,2	16	35,6	1	2,22					
	6A3	44	28	63,6	15	34,1	1	2,27					
	6A4	45	28	62,2	16	35,6	1	2,22					
	6A5	45	27	60,0	17	37,8	1	2,22					
	6A6	44	27	61,4	16	36,4	1	2,27					
	6A7	44	28	63,6	15	34,1	1	2,27					
	Tổng	312	194	62,2	111	35,6	7	2,24					
	7A1	45	21	46,7	22	48,9	2	4,44					
	7A2	45	22	48,9	20	44,4	3	6,67					
	7A3	45	21	46,7	21	46,7	3	6,67					
	7A4	45	22	48,9	21	46,7	2	4,44					
	7A5	45	25	55,6	19	42,2	1	2,22					
	7A6	45	26	57,8	18	40,0	1	2,22					
	Tổng	270	137	50,7	121	44,8	12	4,44					
	8A1	40	25	62,5	13	32,5	2	5,00					
	8A2	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A3	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A4	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A5	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A6	40	25	62,5	14	35,0	1	2,50					
	8A7	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	8A8	39	25	64,1	13	33,3	1	2,56					
	Tổng	314	200	63,7	105	33,3	9	2,87					
TIN HỌC	9A1	45	30	66,7	14	31,1	1	2,22					
	9A2	44	30	68,2	13	29,5	1	2,27					
	9A3	44	30	68,2	13	29,5	1	2,27					

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	9A4	44	30	68,2	13	29,5	1	2,27					
	9A5	43	30	69,8	12	27,9	1	2,33					
	9A6	45	30	66,7	14	31,1	1	2,22					
	9A7	43	30	69,8	12	27,9	1	2,33					
	Tổng	308	210	68,2	91	31,1	7	2,27					
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	6A1	45							45	100,0		0,0	
	6A2	45							45	100,0		0,0	
	6A3	44							44	100,0		0,0	
	6A4	45							45	100,0		0,0	
	6A5	45							45	100,0		0,0	
	6A6	44							44	100,0		0,0	
	6A7	44							44	100,0		0,0	
	Tổng	312							312	100,0	0	0,0	
	7A1	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	7A2	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	7A3	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	7A4	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	7A5	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	7A6	45	40	88,9	15	33,3		0,00	45	100,0		0,0	
	Tổng	270		0,0		0,0		0,00	270	100,0	0	0,0	
	8A1	40							40	100,0		0,0	
	8A2	39							39	100,0		0,0	
	8A3	39							39	100,0		0,0	
	8A4	39							39	100,0		0,0	
	8A5	39							39	100,0		0,0	
	8A6	40							40	100,0		0,0	
	8A7	39							39	100,0		0,0	

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	8A8	39							39	100,0		0,0	
	Tổng	314							314	100,0	0	0,0	
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	9A1	45							45	100,0	0	0,0	
	9A2	44							44	100,0	0	0,0	
	9A3	44							44	100,0	0	0,0	
	9A4	44							44	100,0	0	0,0	
	9A5	43							43	100,0	0	0,0	
	9A6	45							45	100,0	0	0,0	
	9A7	43							43	100,0	0	0,0	
	Tổng	308							308	100,0	0	0,0	
GIÁO DỤC THỂ CHẤT	6A1	45							45	100,0	0	0,0	
	6A2	45							45	100,0	0	0,0	
	6A3	44							44	100,0	0	0,0	
	6A4	45							45	100,0	0	0,0	
	6A5	45							45	100,0	0	0,0	
	6A6	44							44	100,0	0	0,0	
	6A7	44							44	100,0	0	0,0	
	Tổng	312							312	100,0	0	0,0	
	7A1	45							45	100,0	0	0,0	
	7A2	45							45	100,0	0	0,0	
	7A3	45							45	100,0	0	0,0	
	7A4	45							45	100,0	0	0,0	
	7A5	45							45	100,0	0	0,0	
	7A6	45							45	100,0	0	0,0	
	Tổng	270							270	100,0	0	0,0	

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	8A1	40							40	100,0	0	0,0	
	8A2	39							39	100,0	0	0,0	
	8A3	39							39	100,0	0	0,0	
	8A4	39							39	100,0	0	0,0	
	8A5	39							39	100,0	0	0,0	
	8A6	40							40	100,0	0	0,0	
	8A7	39							39	100,0	0	0,0	
	8A8	39							39	100,0	0	0,0	
	Tổng	314							314	100,0	0	0,0	
GIÁO DỤC THỂ CHẤT	9A1	45							45	100,0	0	0,0	
	9A2	44							44	100,0	0	0,0	
	9A3	44							44	100,0	0	0,0	
	9A4	44							44	100,0	0	0,0	
	9A5	43							43	100,0	0	0,0	
	9A6	45							45	100,0	0	0,0	
	9A7	43							43	100,0	0	0,0	
	Tổng	308							308	100,0	0	0,0	
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	6A1	45							45	100,0	0	0,0	
	6A2	45							45	100,0	0	0,0	
	6A3	44							44	100,0	0	0,0	
	6A4	45							45	100,0	0	0,0	
	6A5	45							45	100,0	0	0,0	
	6A6	44							44	100,0	0	0,0	
	6A7	44							44	100,0	0	0,0	
	Tổng	312							312	100,0	0	0,0	
	7A1	45							45	100,0	0	0,0	

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	7A2	45							45	100,0	0	0,0	
	7A3	45							45	100,0	0	0,0	
	7A4	45							45	100,0	0	0,0	
	7A5	45							45	100,0	0	0,0	
	7A6	45							45	100,0	0	0,0	
	Tổng	270							270	100,0	0	0,0	
	8A1	40							40	100,0	0	0,0	
	8A2	39							39	100,0	0	0,0	
	8A3	39							39	100,0	0	0,0	
	8A4	39							39	100,0	0	0,0	
	8A5	39							39	100,0	0	0,0	
	8A6	40							40	100,0	0	0,0	
	8A7	39							39	100,0	0	0,0	
	8A8	39							39	100,0	0	0,0	
	Tổng	314							314	100,0	0	0,0	
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP	9A1	45							45	100,0	0	0,0	
	9A2	44							44	100,0	0	0,0	
	9A3	44							44	100,0	0	0,0	
	9A4	44							44	100,0	0	0,0	
	9A5	43							43	100,0	0	0,0	
	9A6	45							45	100,0	0	0,0	
	9A7	43							43	100,0	0	0,0	
	Tổng	308							308	100,0	0	0,0	
NGHỆ THUẬT	6A1	45							45	100,0	0	0,0	
	6A2	45							45	100,0	0	0,0	
	6A3	44							44	100,0	0	0,0	

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	6A4	45							45	100,0	0	0,0	
	6A5	45							45	100,0	0	0,0	
	6A6	44							44	100,0	0	0,0	
	6A7	44							44	100,0	0	0,0	
	Tổng	312							312	100,0	0	0,0	
	7A1	45							45	100,0	0	0,0	
	7A2	45							45	100,0	0	0,0	
	7A3	45							45	100,0	0	0,0	
	7A4	45							45	100,0	0	0,0	
	7A5	45							45	100,0	0	0,0	
	7A6	45							45	100,0	0	0,0	
	Tổng	270							270	100,0	0	0,0	
	8A1	40							40	100,0	0	0,0	
	8A2	39							39	100,0	0	0,0	
	8A3	39							39	100,0	0	0,0	
	8A4	39							39	100,0	0	0,0	
	8A5	39							39	100,0	0	0,0	
	8A6	40							40	100,0	0	0,0	
	8A7	39							39	100,0	0	0,0	
	8A8	39							39	100,0	0	0,0	
	Tổng	314							314	100,0	0	0,0	
NGHỆ THUẬT	9A1	45							45	100,0	0	0,0	
	9A2	44							44	100,0	0	0,0	
	9A3	44							44	100,0	0	0,0	
	9A4	44							44	100,0	0	0,0	
	9A5	43							43	100,0	0	0,0	

Môn	Lớp	SS	Tốt		Khá		Đạt		Đạt		Chưa đạt		Ghi chú
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
	9A6	45							45	100,0	0	0,0	
	9A7	43							43	100,0	0	0,0	
	Tổng	308							308	100,0	0	0,0	

Phụ lục 10: Chất lượng hai mặt giáo dục, học sinh giỏi các cấp năm học 2026 – 2027
(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)

STT	Lớp	SS	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Lên lớp	Tỉ lệ	HS SX	Tỉ lệ	HSG	Tỉ lệ
			Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ						
1	6A1	44	27	61,4	17	38,6	0	0	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	3	6,8	24	54,5
2	6A2	45	27	60,0	18	40,0	0	0	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	3	6,7	24	53,3
3	6A3	44	28	63,6	16	36,4	0	0	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	3	6,8	25	56,8
4	6A4	45	27	60,0	18	40,0	0	0	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	3	6,7	27	60,0
5	6A5	45	27	60,0	18	40,0	0	0	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	5	11,1	26	57,8
6	6A6	44	27	61,4	17	38,6	0	0	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	3	6,8	24	54,5
7	6A7	44	27	61,4	17	38,6	0	0	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	3	6,8	24	54,5
Tổng K6		311	190	61,1	121	38,9	0	0	0	0,0	311	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	312	100	23	7,4	174	55,9

STT	Lớp		Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Lên lớp	Tỉ lệ	HS SX	Tỉ lệ	HSG	Tỉ lệ
			Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ						
8	7A1	45	29	64,4	16	35,6	0	0,00	0	0,0	44	98	1	2,2	0	0,0	0	0,0	45	100	1	2,2	28	62,2
9	7A2	45	28	62,2	16	35,6	1	2,22	0	0,0	44	98	1	2,2	0	0,0	0	0,0	45	100	2	4,4	26	57,8
10	7A3	45	27	60,0	17	37,8	1	2,22	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	3	6,7	24	53,3
11	7A4	45	29	64,4	16	35,6	0	0,00	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	5	11,1	24	53,3
12	7A5	45	30	66,7	15	33,3	0	0,00	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	10	22,2	20	44,4
13	7A6	45	31	68,9	14	31,1	0	0,00	0	0,0	45	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	45	100	10	22,2	21	46,7
Tổng K7		270	174	64,4	94	34,8	2	0,7407	0	0,0	268	99	2	0,7	0	0,0	0	0,0	270	100	31	11,5	143	53,0

STT	Lớp		Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								Lên lớp	Tỉ lệ	HS SX	Tỉ lệ	HSG	Tỉ lệ
			Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ						
14	8A1	40	25	62,5	14	35,0	1	2,5	0	0,0	39	97,5	1	2,5	0	0,0	0	0,0	40	100	4	10,0	21	52,5
15	8A2	39	25	64,1	13	33,3	1	2,6	0	0,0	39	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	38	97	3	7,7	22	56,4
16	8A3	39	25	64,1	13	33,3	1	2,6	0	0,0	38	97,4	1	2,6	0	0,0	0	0,0	39	100	3	7,7	22	56,4
17	8A4	39	25	64,1	14	35,9	0	0,0	0	0,0	39	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	39	100	5	12,8	20	51,3
18	8A5	39	26	66,7	12	30,8	1	2,6	0	0,0	39	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	39	100	4	10,3	22	56,4
19	8A6	40	28	70,0	12	30,0	0	0,0	0	0,0	39	97,5	1	2,5	0	0,0	0	0,0	40	100	6	15,0	26	65,0
20	8A7	39	25	64,1	14	35,9	0	0,0	0	0,0	39	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	39	100	4	10,3	21	53,8
21	8A8	39	26	66,7	13	33,3	1	2,6	0	0,0	39	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	39	100	4	10,3	22	56,4
Tổng K8		314	205	65,3	105	33,4	5	1,6	0	0,0	311	99	3	1,0	0	0,0	0	0,0	313	100	33	10,5	176	56,1

STT	Lớp		Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện								HT CTGD THCS	Tỉ lệ	HS SX	Tỉ lệ	HSG	Tỉ lệ
			Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ	Tốt	Tỉ lệ	Khá	Tỉ lệ	Đạt	Tỉ lệ	C.Đạt	Tỉ lệ						
22	9A1	45	24	53,3	19	42,2	2	4,4	0	0,0	44	98	1	2,2	0	0,0	0	0,0	45	100	6	13,3	18	40,0
23	9A2	44	28	63,6	15	34,1	1	2,3	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	5	11,4	23	52,3
24	9A3	44	30	68,2	14	31,8	0	0,0	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	8	18,2	22	50,0
25	9A4	44	25	56,8	18	40,9	1	2,3	0	0,0	44	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	44	100	6	13,6	19	43,2
26	9A5	43	30	69,8	13	30,2	0	0,0	0	0,0	43	100	0	0,0	0	0,0	0	0,0	43	100	8	18,6	22	51,2
27	9A6	45	30	66,7	15	33,3	0	0,0	0	0,0	44	98	1	2,2	0	0,0	0	0,0	45	100	8	17,8	22	48,9
28	9A7	43	27	62,8	15	34,9	1	2,3	0	0,0	42	98	1	2,3	0	0,0	0	0,0	43	100	5	11,6	22	51,2
Tổng K9		308	194	63,0	109	35,4	5	1,6	0	0,0	305	99,0	3	1,0	0	0,0	0	0,0	308	100	46	14,9	148	48,1
Toàn trường		1203	763	63,4	429	35,7	12	1,0	0	0,0	1195	99,3	8	0,7	0	0,0	0	0,0	1203	100,00	133	11,1	641	53,3

Phụ lục 11: Chỉ tiêu học sinh giỏi các cấp
*(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026
của trường THCS Chu Văn An)*

TT	Môn thi	Khối 8, 9			Ghi chú
		Cấp			
		Phường	Thành phố	QG	
1	Toán	8	5	5	Cấp QG: FMO
2	Văn	6	4		
3	Tiếng Anh	10	6	15	Cấp QG: Olympic TA trên Internet (IOE)
4	KHTN	15	8	20	Cấp QG: Olympic KHTN
5	LSĐL	8	5		
6	Công Nghệ	8	5		
7	GDCD	8	6		
8	Tin học	6	4		
Tổng giải các môn văn hóa		69	43	40	
10	TĐTT	3	2	1	
11	KHKT	2	1	0	
12	STTTNNĐ	2	1	0	
13	Tin học trẻ		5	0	
Tổng giải khác		7	9	1	
Tổng toàn trường		76	52	41	

Phụ lục 12: Đăng ký BDTX, Chuẩn HT, chuẩn GV*(Kèm theo Kế hoạch số 518/KH-THCSCVA ngày 03/9/2026 của trường THCS Chu Văn An)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	BDTX	Chuẩn HT, Chuẩn GV	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Bắc	Hiệu trưởng	Đạt	Tốt	
2	Đặng Chí Quyết	Phó Hiệu trưởng	Đạt	Tốt	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Hiệu trưởng	Đạt	Tốt	
4	Nguyễn Thị Vân	Tổ trưởng chuyên môn	Đạt	Tốt	
5	Nguyễn Thanh Hương	Tổ trưởng chuyên môn	Đạt	Tốt	
6	Đỗ Thị Bích Phượng	Tổ trưởng chuyên môn	Đạt	Tốt	
7	Bùi Hương Thủy	Thư ký hội đồng	Đạt	Tốt	
8	Trần Thị Thu Hương	Tổng phụ trách	Đạt	Tốt	
9	Hoàng Thị Thảo	Bí thư Chi Đoàn TN	Đạt	Tốt	
10	Nguyễn Thị Phượng	TB thanh tra nhân dân	Đạt	Tốt	
11	Bùi Thị Thanh Hà	Giáo viên	Đạt	Tốt	
12	Nguyễn Thị Thu Thủy	Tổ phó chuyên môn	Đạt	Tốt	
13	Dương Tú Quỳnh	Tổ phó chuyên môn	Đạt	Tốt	
14	Trần Thị Kim Anh	Giáo viên	Đạt	Tốt	
15	Nguyễn Thị Chinh	Giáo viên	Đạt	Tốt	
16	Cao Thị Hà	Giáo viên	Đạt	Tốt	
17	Nguyễn Phương Hà	Giáo viên	Đạt	Tốt	
18	Phạm Thị Thu Hà	Giáo viên	Đạt	Tốt	
19	Phạm Đức Hạnh	Giáo viên	Đạt	Tốt	
20	Tô Thị Hiền	Giáo viên	Đạt	Tốt	
21	Nguyễn Thị Hoa	Giáo viên	Đạt	Tốt	
22	Tổng Thị Hòa	Giáo viên	Đạt	Tốt	
23	Hoàng Thị Bích Hồng	Giáo viên	Đạt	Tốt	
24	Phạm Thị Huyền	Giáo viên	Đạt	Tốt	
25	Trần Thanh Huyền	Giáo viên	Đạt	Tốt	
26	Bùi Thị Hồng Lam	Giáo viên	Đạt	Tốt	
27	Tạ Thị Thuý Linh	Giáo viên	Đạt	Tốt	
28	Trịnh Thị Ngọc Linh	Giáo viên	Đạt	Tốt	

TT	Họ và tên	Chức vụ	BDTX	Chuẩn HT, Chuẩn GV	Ghi chú
29	Nguyễn Thị Minh	Giáo viên	Đạt	Tốt	
30	Trần Bích Ngọc	Giáo viên	Đạt	Tốt	
31	Nguyễn Thị Nhung	Giáo viên	Đạt	Tốt	
32	Vũ Bích Phương	Giáo viên	Đạt	Tốt	
33	Lê Thị Hồng Phương	Giáo viên	Đạt	Tốt	
34	Nguyễn Mạnh Quyền	Giáo viên	Đạt	Tốt	
35	Bùi Thị Ánh Tuyết	Giáo viên	Đạt	Tốt	
36	Nguyễn Thị Thảo	Giáo viên	Đạt	Tốt	
37	Bùi Ngọc Trinh	Giáo viên	Đạt	Tốt	

[illegible]

TT	Họ và tên	Chức vụ	LĐTT	GVĐG			CSTD		KHEN CAO							GHI CHÚ
				Cấp trường	Cấp phường	Cấp tỉnh	Cơ sở	Tỉnh	Thủ tướng CP	Bộ GD	UBND tỉnh	Sở GD	UBND Phường	Tỉnh đoàn	TW Đoàn	
40	Phạm Thị Thanh Hoa	Nhân viên TB-TV	X													
41	Trịnh Thị Thùy Trang	Nhân viên Y tế	X										x			
	Tổng		41	33	29	0	16	2	1	2	2	5	10		0	